

Hướng dẫn sử dụng

Chất lượng, Thiết kế và Đổi mới



home.liebherr.com/fridge-manuals



LIEBHERR

Tổng quan về thiết bị

Nội dung

1	Tổng quan về thiết bị.....	2
1.1	Phạm vi cung cấp.....	2
1.2	Tổng quan về thiết bị và dụng cụ.....	3
1.3	Thiết bị thông minh.....	3
1.4	Phạm vi sử dụng của thiết bị.....	3
1.5	Sự phù hợp.....	4
1.6	Các chất SVHC theo quy định REACH.	4
1.7	Cơ sở dữ liệu EPREL.....	4
1.8	Phụ tùng thay thế.....	4
2	Hướng dẫn an toàn chung.....	4
	Chức năng của màn hình cảm ứng.....	5
3	Điều hướng và giải thích ký hiệu.....	5
3.1	Thực đơn.....	6
3.2	3.3 Chế độ ngủ.....	6
4	Đưa vào vận hành.....	7
4.1	Bật thiết bị (lần đầu sử dụng).....	7
5	Lưu trữ.....	7
5.1	Thông tin về lưu trữ.....	7
5.2	Bàn phím thảo luận lưu trữ.....	7
6	Tiết kiệm năng lượng.....	12
7	Kiểm soát.....	12
7.1	Các thành phần điều khiển và hiển thị.....	12
7.2	Chức năng của thiết bị.....	13
7.2.1	Điểm chú ý về chức năng của thiết bị.....	13
7.2.2	Bật và tắt thiết bị.....	13
7.2.3	WiFi.....	14
7.2.4	Nhiệt độ.....	15
7.2.5	Đơn vị nhiệt độ.....	15
7.2.6	Chế độ ngày Sa-bát.....	15
7.2.7	Độ ẩmChọn *.....	16
7.2.8	Kiểm soát độ ẩm *.....	16
7.2.9	Cự ứng độ chiếu sáng *.....	17
7.2.10	Độ sáng màn hình.....	17
7.2.11	Bảng báo động.....	17
7.2.12	Âm thanh báo động.....	18
7.2.13	Âm thanh chính.....	18
7.2.14	Khóa màn hình.....	18
7.2.15	Hiển thị mã PIN.....	19
7.2.16	Ngôn ngữ.....	20
7.2.17	Thông tin thiết bị.....	20
7.2.18	Phần mềm.....	20
7.2.19	Nhắc nhở.....	20
7.2.20	Chế độ demo.....	21
7.2.21	Khôi phục cài đặt gốc.....	21
7.3	Tin nhắn.....	22
7.3.1	Cảnh báo.....	22
7.3.2	Nhắc nhở.....	23
8	Tính năng.....	23
8.1	Khóa an toàn.....	23
8.2	Nhân.....	23
9	Bảo trì.....	24
9.1	Trao đổi không khí thông qua FreshAir được kích hoạt bộ lọc than hoạt tính.....	24
9.2	Vệ sinh thiết bị.....	24
10	Trợ giúp khách hàng.....	25
10.1	Thông số kỹ thuật.....	25
10.2	Tiếng ồn khi vận hành.....	25
10.3	Lỗi kỹ thuật.....	26
10.4	Dịch vụ khách hàng.....	27
10.5	Tấm mô hình.....	27
11	Đang tắt máy.....	27
12	Xử lý.....	27
12.1	Chuẩn bị thiết bị để xử lý.....	27
12.2	Vứt bỏ thiết bị ở nơi thân thiện với môi trường cách xử lý thân thiện.....	27

Nhà sản xuất đang liên tục làm việc trên hơn nữa
phát triển tất cả các loại và mô hình. Xin lưu ý rằng
chúng tôi có quyền thay đổi hình dạng, trang bị
trí tuệ và công nghệ.

Giải thích biểu	tư ợng
	Đọc hướng dẫn Vui lòng đọc thông tin trong hướng dẫn này cẩn thận để hiểu tất cả các lợi ích của thiết bị mới của bạn.
	Thông tin bổ sung trên Internet Sổ tay kỹ thuật số có thông tin bổ sung tion và các ngôn ngữ khác có thể được tìm thấy thông qua mã QR ở mặt trước của hướng dẫn sử dụng hoặc bằng cách nhập số dịch vụ tại home.liebherr.com/fridge-manuals . Số dịch vụ có thể được tìm thấy trên số sê-ri nhân: 
Hình. Ví dụ minh họa	
	Kiểm tra thiết bị Kiểm tra tất cả các bộ phận xem có hư hỏng trong quá trình vận chuyển không. Nếu bạn có bất kỳ khiếu nại nào, vui lòng liên hệ với đại lý hoặc dịch vụ khách hàng.
	Sự khác biệt Những hướng dẫn này áp dụng cho nhiều loại mô hình, vì vậy sự khác biệt là có thể. Các phần đó chỉ áp dụng cho một số mẫu nhất định được đánh dấu bằng dấu hoa thị (*).
	Hướng dẫn và kết quả Hướng dẫn được đánh dấu bằng dấu . ▶ Kết quả được đánh dấu bằng dấu . ▷
	Video Video về các thiết bị có sẵn trên các kênh YouTube của Liebherr-Hausgeräte.

Giấy phép nguồn mở:

Thiết bị chứa các thành phần phần mềm sử dụng
giấy phép nguồn mở. Thông tin về nguồn mở
giấy phép được sử dụng có thể được tìm thấy tại đây: [home.liebherr.com/
giấy phép nguồn mở](http://home.liebherr.com/giay-phap-nguon-mo)

Những hướng dẫn vận hành này áp dụng cho:

WPbl(i) 42..	/ 46.. / 50.. / 52..
WSbl(i) 42..	/ 46.. / 50.. / 52.. / 77..

1 Tổng quan về thiết bị

1.1 Phạm vi cung cấp

Kiểm tra tất cả các bộ phận xem có hư hỏng trong quá trình vận chuyển không. Liên hệ với
đại lý hoặc dịch vụ khách hàng trong trường hợp có khiếu nại.
(xem 10.4 Dịch vụ khách hàng)

Thiết bị mới của bạn bao gồm các bộ phận sau:

- Thiết bị độc lập

- Tính năng (tùy theo từng model)

- Vật liệu lắp đặt (tùy theo model)
- "Hư ỏng dẫn bắt đầu nhanh"
- "Hư ỏng dẫn cài đặt"
- Tờ rơi dịch vụ

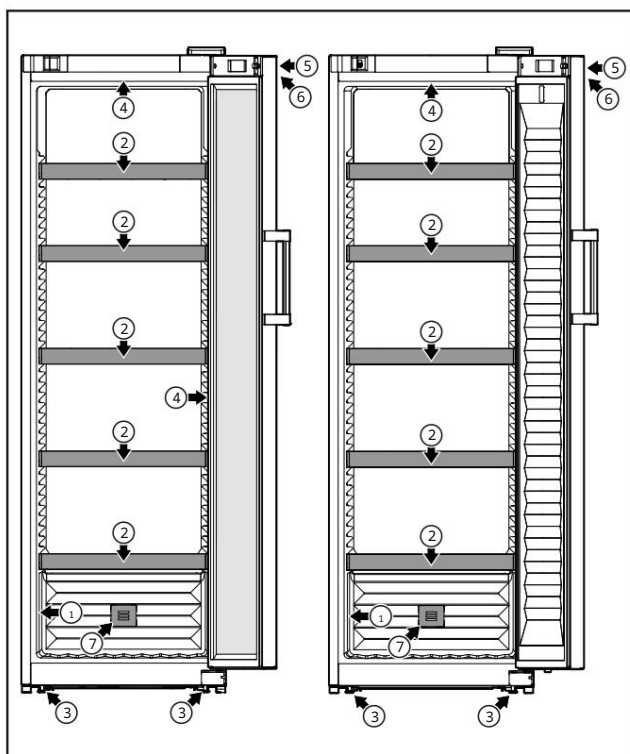
1.2 Tổng quan về thiết bị và dụng cụ

WPbl 42.. / 46.. / 50..

WSbl 42.. / 46.. / 50..

WPbl 50.. / 52..

WSbl 50.. / 52.. / 77..



Hình 1 Ví dụ minh họa (1) Thẻ

sê-ri (2) Kệ chai

(5) Khóa

(6) Các yếu tố điều khiển và hiển thị nhiệt độ

(3) Điều chỉnh chân

(7) Bộ lọc than hoạt tính FreshAir

(4) Chiếu sáng nội thất*

1.3 Thiết bị thông minh

SmartDevice là giải pháp mạng cho tủ bảo quản rữ ợu của bạn.

Nếu thiết bị của bạn hỗ trợ SmartDevice hoặc tương thích, bạn có thể kết nối thiết bị với WiFi một cách nhanh chóng và dễ dàng. Với ứng dụng SmartDevice, bạn có thể vận hành thiết bị từ thiết bị di động. Các chức năng và tùy chọn cài đặt bổ sung có sẵn trong ứng dụng SmartDevice.

Thiết bị hỗ trợ
SmartDevice:*

Thiết bị của bạn có khả năng trở thành một SmartDevice. Để có thể kết nối thiết bị với WiFi, bạn cần tải xuống ứng dụng SmartDevice.*

Thiết bị thông minh-
thiết bị tương thích:*

Thiết bị của bạn tương thích với SmartDeviceBox. Trước tiên, bạn phải mua và cài đặt SmartDeviceBox. Để kết nối thiết bị với WiFi, bạn cần tải xuống ứng dụng SmartDevice.*



Thông tin thêm về
SmartDe- vice:

smartdevice.liebherr.com

Mua hàng
SmartDeviceBox trong
Liebherr-

home.liebherr.com/shop/de/deu/smartdevicebox.html*

Cửa hàng đồ gia dụng:*

Đang tải xuống

Ứng dụng SmartDevice:



Sau khi cài đặt và cấu hình SmartDevice, bạn có thể kết nối thiết bị của mình với WiFi bằng ứng dụng SmartDevice và chức năng thiết bị WiFi (xem 7.2.3 WiFi).

Lưu

ý Chức năng SmartDevice không khả dụng ở các quốc gia sau: Nga, Belarus, Kazakhstan.

Bạn không thể sử dụng SmartDeviceBox.*

1.4 Phạm vi sử dụng của thiết bị

Mục đích sử dụng

Thiết bị này chỉ thích hợp để bảo quản rữ ợu vang trong môi trường gia đình hoặc tương tự như môi trường gia đình.

Điều này bao gồm, ví dụ, sử dụng - trong

bếp của nhân viên, cơ sở lưu trú, - bởi khách ở nhà nghỉ, khách sạn,

nhà nghỉ ven đường và các chỗ ở khác, - cho dịch vụ ăn uống và các dịch vụ tương tự trong

thương mại bán buôn.

Thiết bị này không thích hợp để đông lạnh thực phẩm; Thiết bị này

không thích hợp để lắp âm tủ.

Mọi hình thức sử dụng khác đều không được phép.

Lạm dụng có thể lưu ợng

trư ợc Các ứng dụng sau đây bị nghiêm cấm: - Lưu trữ và làm lạnh thuốc,

huyết tương, chế phẩm xét nghiệm hoặc các chất và sản phẩm tương tự dựa trên Chỉ thị về thiết bị y tế 2007/47/EC

- Sử dụng ở những khu vực có nguy cơ cháy nổ. Sử dụng

sai thiết bị có thể làm hỏng hàng hóa được lưu trữ hoặc làm hỏng hàng hóa.

Phân loại khí hậu Tùy thuộc

vào phân loại khí hậu, thiết bị được thiết kế để hoạt động trong điều kiện hạn chế

Hướng dẫn an toàn chung

nhiệt độ môi trường xung quanh. Phân loại khí hậu áp dụng cho thiết bị của bạn được in trên bảng đánh giá.

Lưu ý

Duy trì nhiệt độ môi trường được chỉ định để đảm bảo thiết bị hoạt động bình thường.

Phân loại khí hậu	đối với nhiệt độ môi trường xung quanh
SN	10 °C đến 32 °C
N	16 °C đến 32 °C
ST	16 °C đến 38 °C
T	16 °C đến 43 °C
SN-ST	10 °C đến 38 °C
SN-T	10 °C đến 43 °C

1.5 Sự phù hợp

Mạch làm lạnh đã được kiểm tra rò rỉ. Thiết bị tuân thủ các quy định an toàn hiện hành và các chỉ thị tương ứng.

Đối với thị trường: Thiết bị này tuân thủ chỉ thị 2014/53/EU.*
trường:*

Đối với thị trường Anh: Thiết bị này tuân thủ Quy định về thiết bị vô tuyến năm 2017 SI 2017 số 1206.*

Toàn văn Tuyên bố về sự phù hợp của EU có sẵn trên trang web sau:
www.liebherr.com Ngăn BioFresh đáp ứng các yêu cầu của ngăn bảo quản lạnh theo quy định tại DIN EN 62552:2020.

1.6 Các chất SVHC theo quy định REACH

Bạn có thể kiểm tra xem thiết bị của mình có chứa chất SVHC theo quy định của REACH hay không tại liên kết sau: home.liebherr.com/de/deu/de/liebherr-erleben/nachhaltigkeit/umwelt/scip/scip.html

1.7 Cơ sở dữ liệu EPREL

Thông tin chi tiết về các yêu cầu về dán nhãn năng lượng và thiết kế sinh thái sẽ có sẵn trên cơ sở dữ liệu sản phẩm châu Âu (EPREL) từ ngày 1 tháng 3 năm 2021. Bạn có thể truy cập cơ sở dữ liệu sản phẩm tại liên kết sau: <https://eprel.ec.europa.eu/> Bạn sẽ được yêu cầu nhập ID model. ID model có thể được tìm thấy trên nhãn sản phẩm.

1.8 Phụ tùng thay thế

Thời gian cung cấp phụ tùng thay thế cho các bộ phận chức năng và các bộ phận có sẵn của thiết bị là 15 năm.

2 Hướng dẫn an toàn chung Vui lòng giữ hướng dẫn

vận hành này ở nơi an toàn để bạn có thể tham khảo lại bất cứ lúc nào.

Nếu bạn chuyển giao thiết bị, vui lòng đưa hướng dẫn sử dụng này cho người dùng tiếp theo.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng để đảm bảo sử dụng thiết bị an toàn và đúng cách. Luôn tuân thủ các hướng dẫn, chỉ dẫn an toàn và thông báo cảnh báo kèm theo. Chúng rất quan trọng để đảm bảo bạn có thể vận hành và lắp đặt thiết bị an toàn và không gặp bất kỳ sự cố nào.

Nguy hiểm cho người sử dụng

dụng: - Trẻ em và những người bị suy giảm khả năng thể chất, giác quan hoặc tinh thần hoặc thiếu kinh nghiệm và kiến thức có thể sử dụng thiết bị này, miễn là họ được giám sát hoặc được hướng dẫn về cách sử dụng thiết bị này một cách an toàn và về những mối nguy hiểm có thể xảy ra.

Trẻ em không được chơi với thiết bị này.

Trẻ em không được tự ý vệ sinh và bảo trì thiết bị khi không có sự giám sát của người lớn. Trẻ em từ 3 đến 8 tuổi được phép tự tháo lắp thiết bị. Trẻ em dưới 3 tuổi phải tránh xa thiết bị trừ khi có sự giám sát liên tục của người lớn.

- Ổ cắm phải dễ dàng tiếp cận để có thể nhanh chóng ngắt kết nối thiết bị khỏi nguồn điện trong trường hợp khẩn cấp. Ổ cắm không được đặt ở khu vực phía sau thiết bị.

- Khi ngắt thiết bị khỏi nguồn điện, luôn cắm vào phích cắm. Không kéo dây cáp.

- Trong trường hợp có lỗi, hãy rút phích cắm điện hoặc ngắt cầu chì.
- Không làm hỏng dây nguồn. Không vận hành thiết bị khi dây nguồn bị lỗi.

- Chỉ có nhân viên chăm sóc khách hàng hoặc nhân viên được đào tạo đặc biệt mới được sửa chữa hoặc thực hiện các thao tác khác trên thiết bị.
- Chỉ lắp ráp, kết nối và vứt bỏ thiết bị theo đúng hướng dẫn.

Nguy cơ cháy

- nhỏ: - Chất làm mát được sử dụng (thông tin trên biển số xe) thân thiện với môi trường nhưng cũng dễ cháy. Bất kỳ chất làm mát rò rỉ nào cũng có thể bắt lửa. • Không làm hỏng mạch làm lạnh ống.
- Không xử lý nguồn gây cháy bên trong thiết bị.

Chức năng của màn hình cảm ứng

- Không sử dụng các thiết bị điện bên trong thiết bị (ví dụ: máy làm sạch bằng hơi nước, máy sưởi, máy làm kem, v.v.).
- Nếu chất làm lạnh bị rò rỉ: loại bỏ mọi ngọn lửa trần hoặc nguồn gây cháy khỏi khu vực rò rỉ. Thông gió phòng đúng cách. Thông báo cho bộ phận chăm sóc khách hàng.
- Không cất giữ chất nổ hoặc bình xịt sử dụng các chất dễ cháy như butan, propan, pentan, v.v. trong thiết bị. Để nhận biết các bình xịt này, hãy xem danh sách thành phần được in trên bình hoặc biểu tượng ngọn lửa. Khi có thể thoát ra ngoài có thể bắt lửa do các linh kiện điện.
- Để nền, đèn và các vật dụng có ngọn lửa trần khác tránh xa thiết bị để tránh gây cháy thiết bị.
- Vui lòng đảm bảo bảo quản đồ uống có cồn hoặc bao bì chứa cồn trong hộp kín. Cồn rò rỉ ra ngoài có thể gây cháy do các linh kiện điện.

Nguy cơ đổ và rơi: - Không sử dụng bộ, ngăn kéo, cửa, v.v. làm bậc thang hoặc chỗ dựa. Điều này đặc biệt đúng với trẻ em.

- Nguy cơ ngộ độc thực phẩm: - Không sử dụng thực phẩm đã bị lưu trữ quá lâu.
- Nguy cơ tê cóng, tê liệt và đau đớn: - Tránh tiếp xúc da trong thời gian dài với bề mặt lạnh hoặc hàng hóa đông lạnh/lạnh hoặc thực hiện các biện pháp bảo vệ, ví dụ như đeo găng tay.
- Nguy cơ gây thương tích và hư hỏng: - Hơi nước nóng có thể gây thương tích. Không sử dụng thiết bị làm nóng bằng điện hoặc hơi nước, ngọn lửa trần hoặc bình xịt đã đông để rửa đông.
- Không sử dụng vật sắc nhọn để tháo đá.

- Nguy cơ bị đè bẹp:
- Không giữ bản lề khi mở và đóng cửa. Ngón tay có thể bị kẹt.
- Các ký hiệu trên thiết bị:



Biểu tượng này có thể nằm trên máy nén. Nó liên quan đến dầu trong máy nén và đề cập đến nguy cơ: Nuốt hoặc hít phải có thể gây tử vong. Lời khuyên này chỉ áp dụng cho việc tái chế. Không có nguy hiểm nào trong quá trình vận hành bình thường.



Biểu tượng này nằm trên máy nén và chỉ ra mối nguy hiểm của vật liệu dễ cháy. Không được bóc nhãn dán.

Nhãn dán này hoặc nhãn dán tự động có thể được tìm thấy ở mặt sau của thiết bị. Nhãn dán này cho biết có tấm cách nhiệt chân không (VIP) hoặc tấm đá trần châu trong cửa và/hoặc vỏ thiết bị. Khuyến cáo này chỉ áp dụng cho việc tái chế. Không bóc nhãn dán.

Xin lưu ý các thông báo cảnh báo và lời khuyên cụ thể khác trong các chương khác:

	SỰ NGUY HIỂM	báo hiệu ngay lập tức một tình huống nguy hiểm có thể dẫn đến tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng nếu không tránh được.
	CẢNH BÁO chỉ ra	tình huống nguy hiểm có thể dẫn đến tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng nếu không tránh được.
	THẬN TRỌNG	chỉ ra tình huống nguy hiểm có thể dẫn đến thương tích nhẹ hoặc vừa phải nếu không tránh được.
	ĐỂ Ý	chỉ ra tình huống nguy hiểm có thể gây thiệt hại cho tài sản nếu không tránh được.
	Ghi chú	chỉ ra những hướng dẫn và mẹo hữu ích.

3 Chức năng của màn hình cảm ứng

Bạn vận hành thiết bị bằng màn hình cảm ứng. Bạn chọn các chức năng của thiết bị trên màn hình cảm ứng (sau đây gọi là màn hình) bằng cách chạm vào chúng. Nếu bạn không thực hiện bất kỳ thao tác nào trên màn hình trong 10 giây, màn hình sẽ nhảy trở lại menu cấp cao hơn hoặc trực tiếp đến màn hình trạng thái.

3.1 Điều hướng và giải thích ký hiệu

Trong hình minh họa, các ký hiệu khác nhau được sử dụng để điều hướng màn hình. Bảng sau đây mô tả các ký hiệu này.

Biểu tượng	Sự miêu tả
	Nhấn nút điều hướng Tiếp theo mũi tên: Điều hướng đến tùy chọn tiếp theo trong menu.
	Nhấn nút Quay lại mũi tên: Nhảy trở lại một tùy chọn trong thực đơn.
	Nhấn và giữ mũi tên điều hướng Quay lại trong 3 giây: Quay lại màn hình hiển thị trạng thái trong menu chính hoặc từ menu Cài đặt.

Biểu tượng	Sự miêu tả
	Nhấn mũi tên điều hướng nhiều lần liên tiếp: Điều hướng trong menu đến chức năng mong muốn.
	Nhấn vào biểu tượng Xác nhận: Kích hoạt/hủy kích hoạt chức năng. Mở menu phụ.
	Nhấn biểu tượng Xác nhận cùng với biểu tượng quay lại: Quay lại một cấp menu.
	Mũi tên có đồng hồ: Phải mất hơn 10 giây để thông báo sau xuất hiện trên màn hình.
	Mũi tên chỉ thời gian: Phải mất một khoảng thời gian nhất định cho đến khi thông báo sau xuất hiện trên màn hình.
	Biểu tượng "Mở menu Cài đặt": Điều hướng đến menu Cài đặt và mở menu cài đặt. Nếu cần: Điều hướng đến chức năng mong muốn trong Cài đặt thực đơn. (xem 3.2.1 Mở menu Cài đặt)
	Biểu tượng "Mở menu Nâng cao": Điều hướng đến menu Nâng cao và mở menu nâng cao. Nếu cần: Điều hướng đến chức năng mong muốn trong Nâng cao thực đơn. (xem 3.2.2 Mở menu Nâng cao)
Không hoạt động vì 10 giây	Nếu bạn không thực hiện bất kỳ hành động nào trên màn hình trong 10 giây, màn hình sẽ nhảy trở lại menu cấp cao hơn hoặc trực tiếp đến màn hình trạng thái.
Mở cửa và đóng cửa	Nếu bạn mở cửa và đóng lại ngay lập tức hoặc đóng lại, màn hình sẽ nhảy trực tiếp trở lại màn hình trạng thái.

Lưu ý: Hình ảnh minh họa được hiển thị trong phiên bản tiếng Anh.

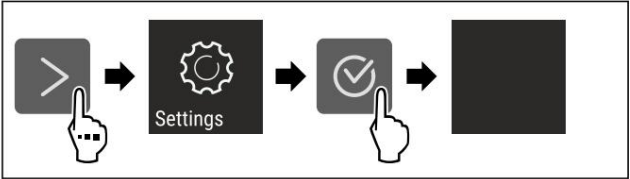
3.2 Thực đơn

Các chức năng của thiết bị có thể được tìm thấy trong nhiều menu khác nhau.

Thực đơn	Sự miêu tả
Menu chính	Khi bạn bật thiết bị, bạn sẽ tự động vào menu chính. Từ đây, bạn có thể điều hướng đến các chức năng quan trọng nhất của thiết bị, đến menu Cài đặt và menu Nâng cao.

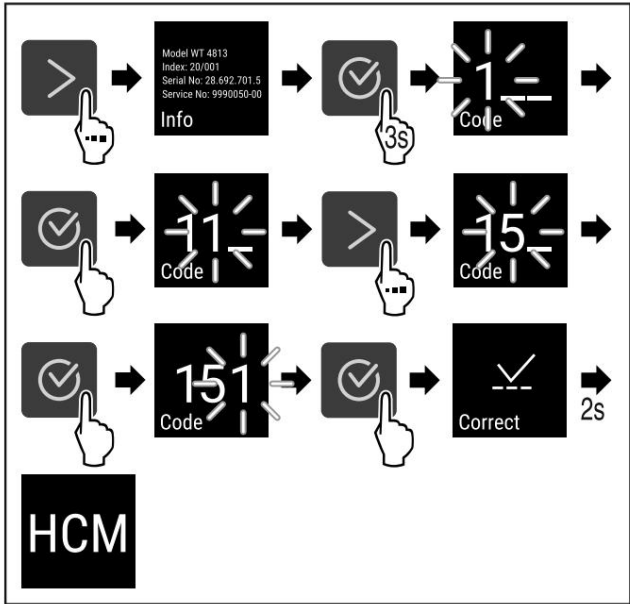
Thực đơn	Mô tả Menu
 Menu cài đặt	Cài đặt chứa các chức năng thiết bị bổ sung để thiết lập thiết bị của bạn. (xem 3.2.1 Mở menu Cài đặt)
 Trình độ cao thực đơn	Menu nâng cao chứa các chức năng thiết bị đặc biệt để thiết lập thiết bị của bạn. Quyền truy cập vào menu Nâng cao được bảo vệ bằng mã số 1 5 1. (xem 3.2.2 Mở menu Nâng cao)

3.2.1 Mở menu Cài đặt



Hình 2 Ví dụ minh họa Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Menu Cài đặt đang mở. Nếu cần: Điều hướng đến chức năng mong muốn.

3.2.2 Mở menu Nâng cao



Hình 3 Truy cập bằng mã số 151 Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Menu mở rộng sẽ mở ra. Nếu cần: Điều hướng đến chức năng mong muốn.

3.3 Chế độ ngủ

Nếu bạn không chạm vào màn hình trong 1 phút, màn hình sẽ chuyển sang chế độ ngủ. Ở chế độ ngủ, độ sáng màn hình sẽ mờ đi.

3.3.1 Kết thúc chế độ ngủ

Nhấn bất kỳ phím điều hướng nào. Chế độ ngủ đã kết thúc.

4 Đưa vào vận hành

4.1 Bật thiết bị (lần đầu sử dụng)

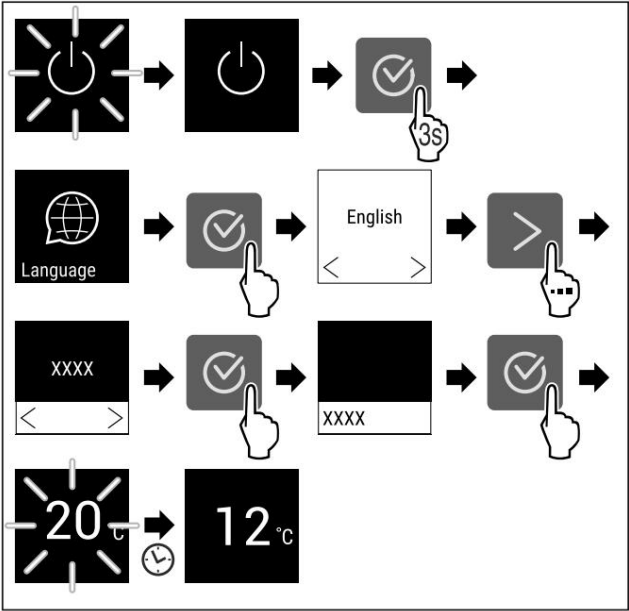
Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: Thiết bị đã được lắp đặt và kết nối theo hướng dẫn lắp đặt. Tất cả các dải keo, màng keo và màng bảo vệ cũng như khóa vận chuyển đều được tháo ra khỏi bên trong và trên thiết bị.

ance.

Tất cả các tờ rơi tiếp thị đều được lấy ra khỏi ngăn kéo. Bạn đã quen thuộc với chức năng của màn hình cảm ứng. (xem mục 3 Chức năng của màn hình cảm ứng)

Bật thiết bị bằng màn hình cảm ứng: Nếu màn hình ở chế độ ngủ: Nhấn nút xác nhận biểu tượng.

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.



Hình 4. Ví dụ minh họa Màn hình hiển thị trạng thái xuất hiện. (xem 7.1 Điều khiển và hiển thị các yếu tố)

Thiết bị nguội đến nhiệt độ được cài đặt tại nhà máy. Thiết bị khởi động ở chế độ demo (màn hình trạng thái với DEMO xuất hiện): Nếu thiết bị khởi động ở chế độ demo, bạn có thể tắt chế độ demo trong vòng 5 phút tiếp theo. (xem 7.2.20 Chế độ demo)

Thông tin thêm:

- Khởi động SmartDevice lần đầu tiên. (xem 1.3 Smart-Device) và (xem 7.2.3 WiFi)

Lưu ý

Bạn có thể mua phụ kiện từ cửa hàng Liebherr-Hausgeräte tại home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html.

5 Lưu trữ

5.1 Thông tin về lưu trữ

CẢNH BÁO

Nguy cơ cháy nổ

Không sử dụng bất kỳ thiết bị điện nào trong khu vực thực phẩm của thiết bị trừ khi có khuyến cáo của nhà sản xuất.

Lưu ý

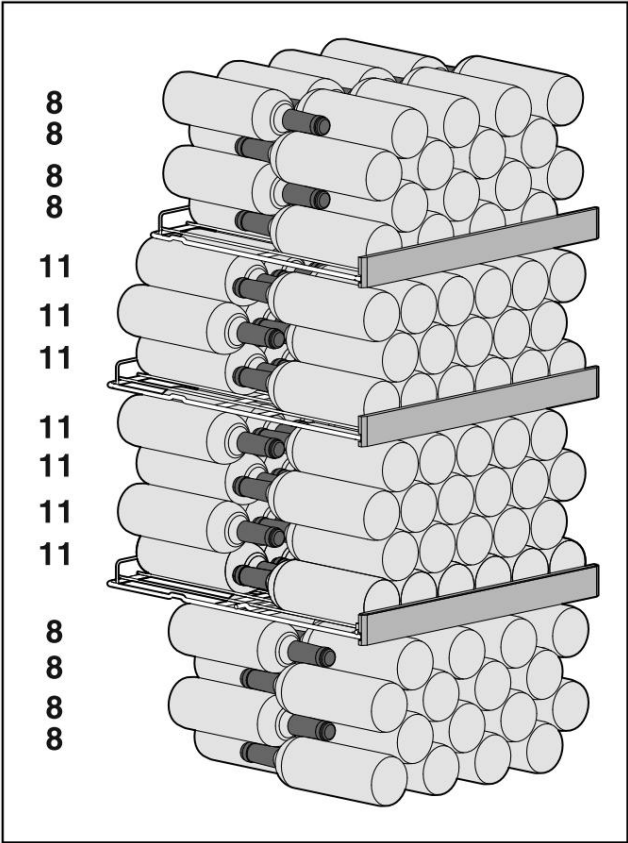
Ý: Mức tiêu thụ năng lượng tăng lên và công suất làm mát giảm xuống nếu thông gió không đủ. Luôn giữ cho các khe hở không khí thông thoáng.

- Tuân thủ các thông số kỹ thuật sau đây khi bảo quản: - Giữ cho lỗ thông gió trên quạt luôn thông thoáng.
- Đặt chất lỏng trong hộp kín.
 - Bố trí kệ lưu trữ theo chiều cao yêu cầu.
 - Quan sát trọng lượng tải tối đa. (xem 10.1 Thông số kỹ thuật (giả tư ông))

5.2 Bản phác thảo lưu trữ

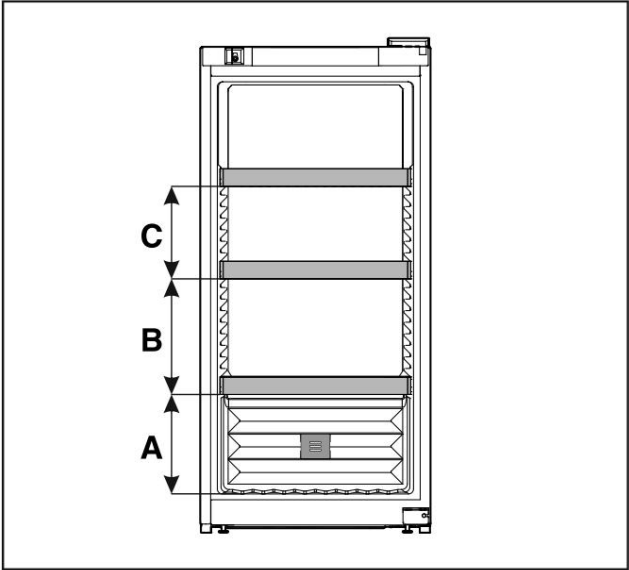
5.2.1 WPb1 42.. / WSb1 42..

Số lượng chai tối đa chỉ có thể đạt được khi tuân thủ khoảng cách quy định.



Hình 5 Tổng cộng 141 chai

Kho

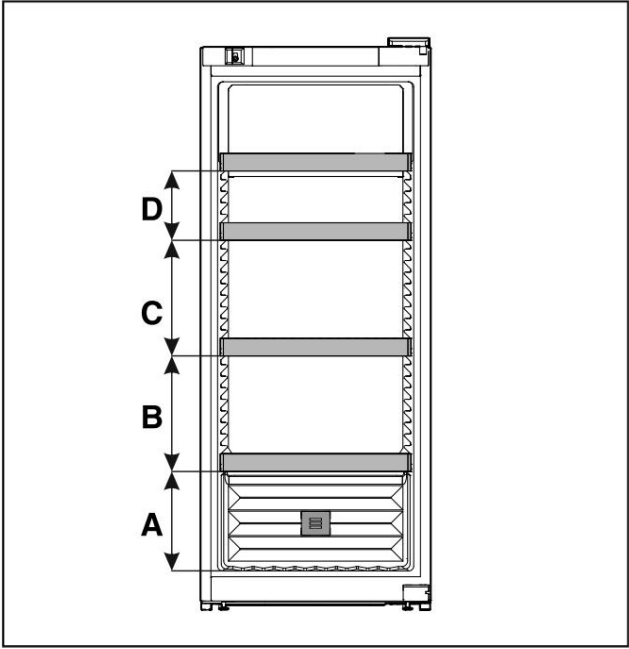


Hình 6 Khoảng cách giữa các kệ lưu trữ

	WPbl 42.. / WSbl 42..
Một	260 mm
B	300 mm
C	240 mm

5.2.2 WPbl 46.. / WSbl 46..

Số lượng chai tối đa chỉ có thể đạt được khi tuân thủ khoảng cách quy định.

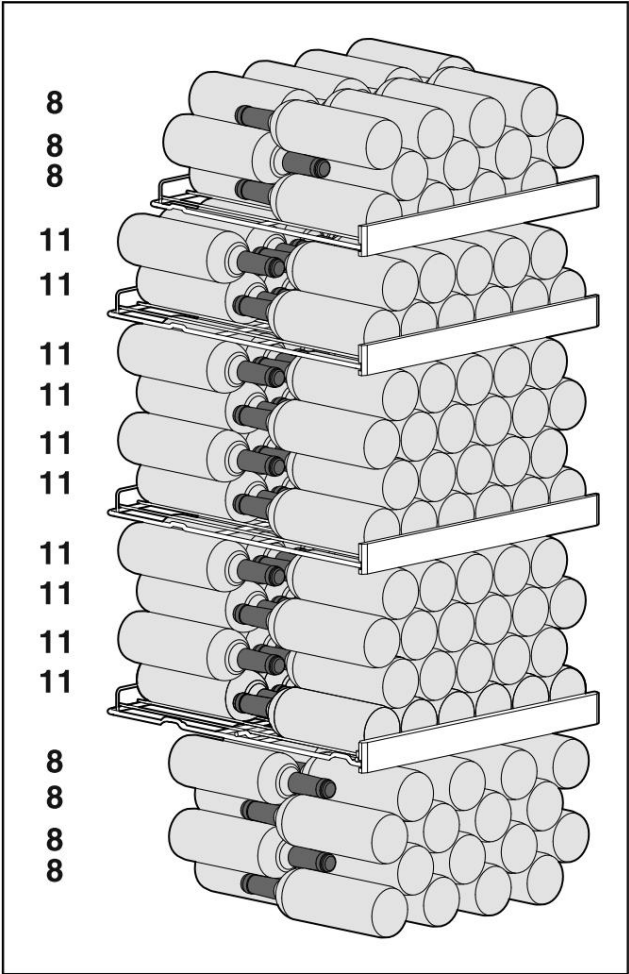


Hình 8 Khoảng cách giữa các kệ lưu trữ

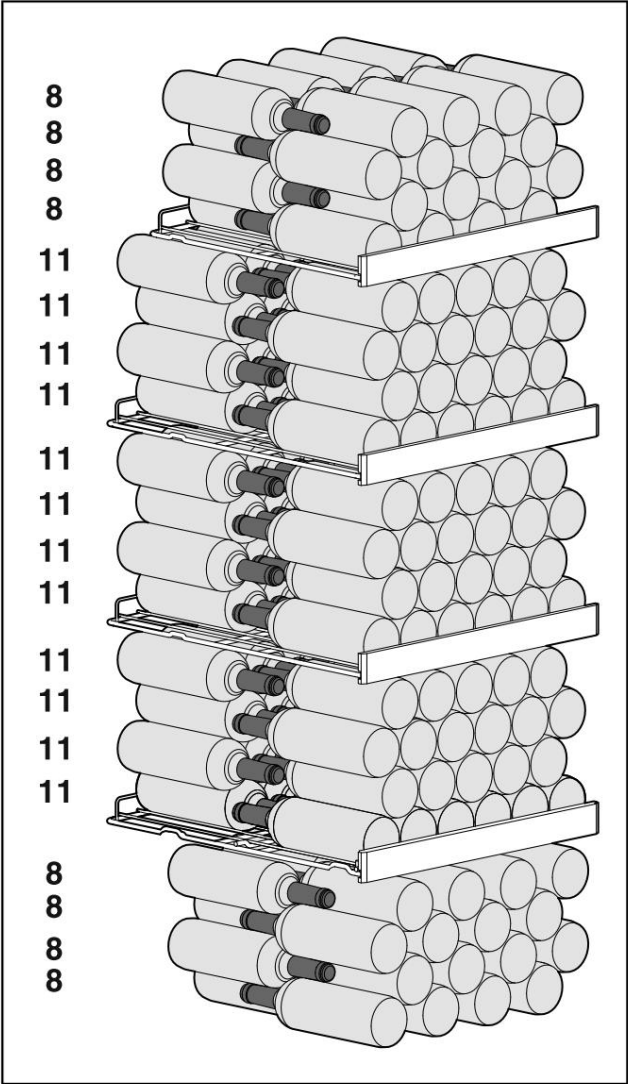
	WPbl 46.. / WSbl 46..
Một	260 mm
B	300 mm
C	300 mm
D	Đường kính 180 mm

5.2.3 WPbl 50.. / WSbl 50..

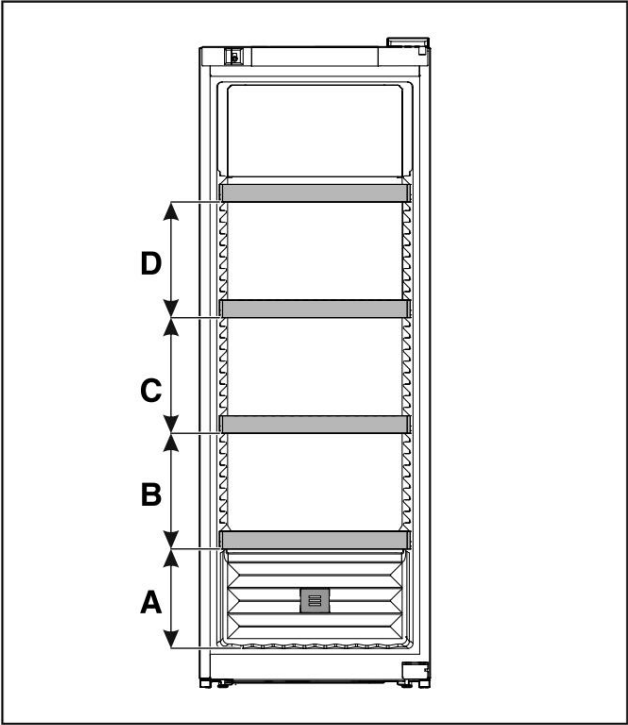
Số lượng chai tối đa chỉ có thể đạt được khi tuân thủ khoảng cách quy định.



Hình 7 Tổng cộng 166 chai



Hình 9 Tổng cộng 196 chai

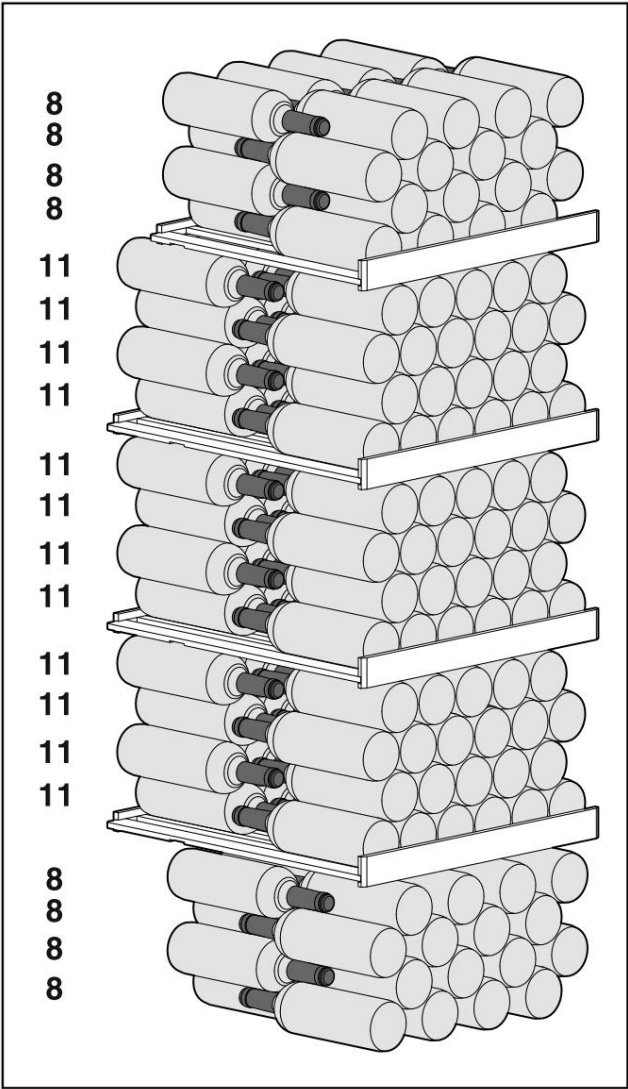


Hình 10 Khoảng cách giữa các kệ lưu trữ

	WPbl 50.. / WSbl 50..
Một	260 mm
B300	mm
C	300 mm
Đường kính	300 mm

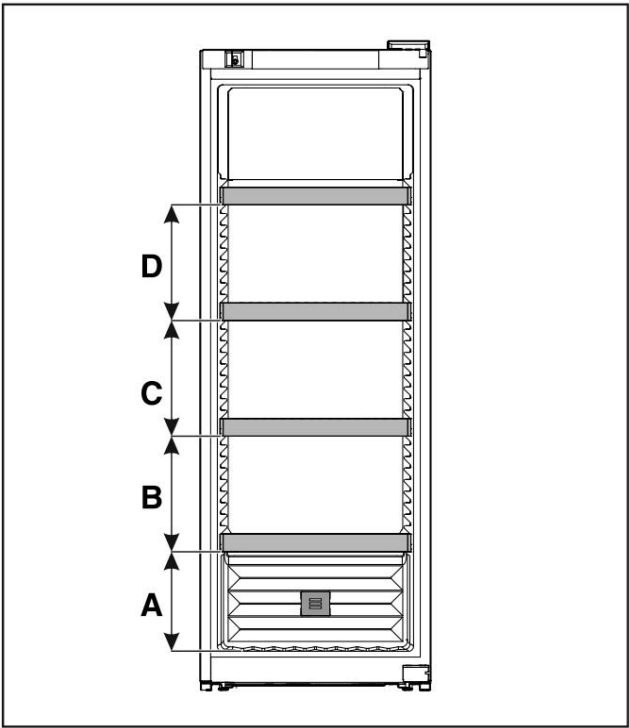
5.2.4 WPbli 50.. / WSbli 50..

Số lượng chai tối đa chỉ có thể đạt được khi tuân thủ khoảng cách quy định.



Hình 11 Tổng cộng 196 chai

Kho

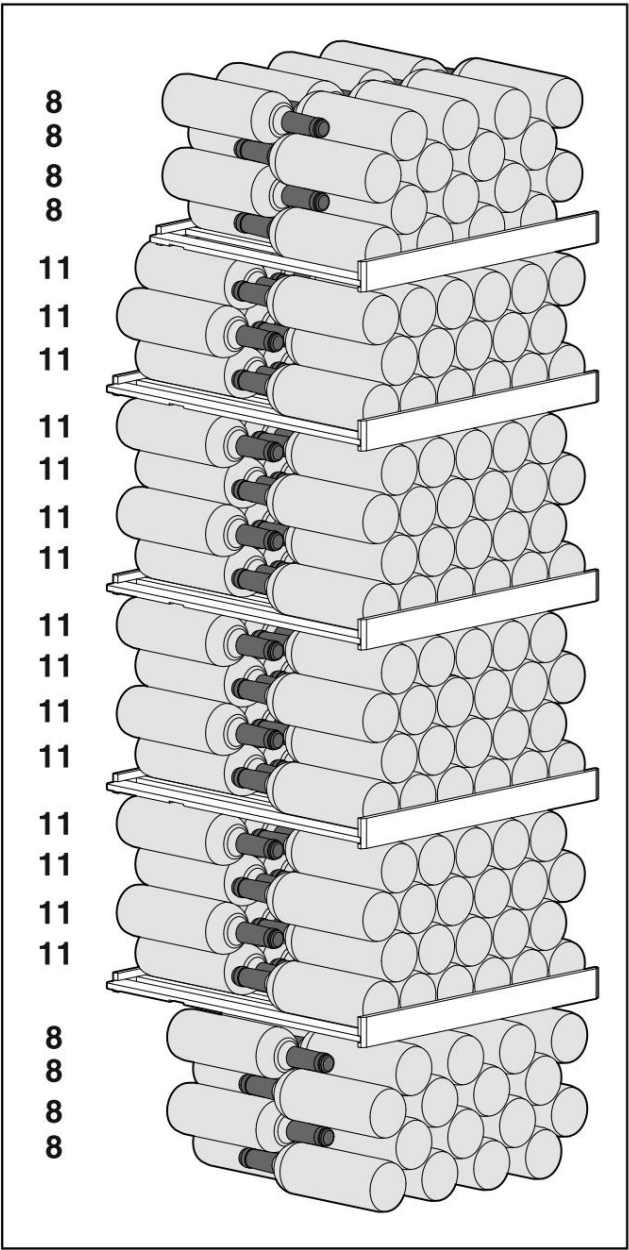


Hình 12 Khoảng cách giữa các kệ lưu trữ

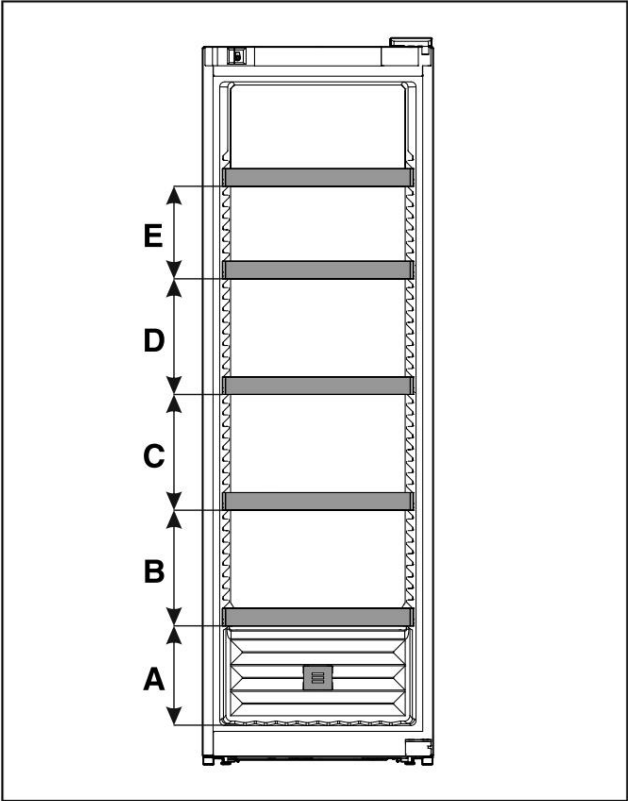
	WPbli 50.. / WSbli 50..
Một	260 mm
B	300 mm
C	300 mm
Đường kính	300 mm

WPbli 52.. / WSbli 52..

Số lượng chai tối đa chỉ có thể đạt được khi tuân thủ khoảng cách quy định.



Hình 13 Tổng cộng 229 chai

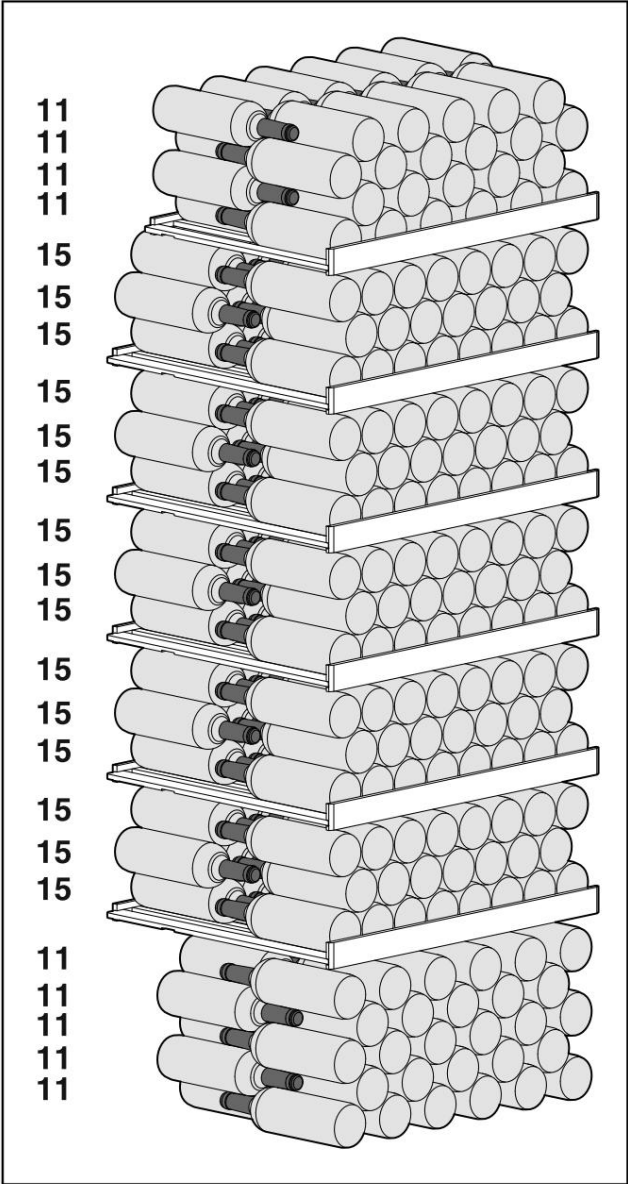


Hình 14 Khoảng cách giữa các kệ lưu trữ

	WPbli 52.. / WSbli 52..
Một	260 mm
B	300 mm
C	300 mm
Đường kính	300 mm
Đường	240 mm

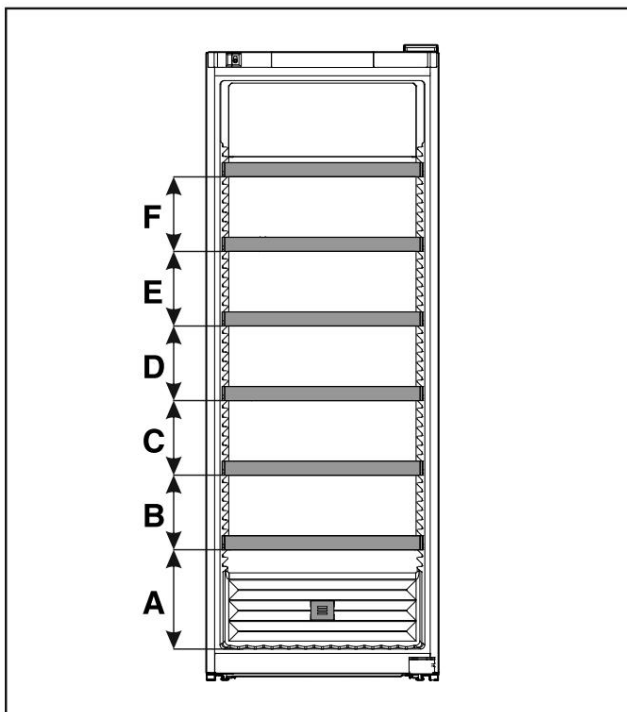
WSbli 77..

Số lượng chai tối đa chỉ có thể đạt được khi tuân thủ khoảng cách quy định.



Hình 15 Tổng cộng 324 chai

* Tùy thuộc vào mẫu mã và tùy chọn



Hình 16 Khoảng cách giữa các kệ lưu trữ

	WSbli 77..
Một	320 mm
B	240 mm
C	240 mm
D	240 mm
E	240 mm
F	240 mm

6 Tiết kiệm năng lượng

- Chú ý thông gió tốt. Không che các lỗ thông gió hoặc lưu trữ thông gió.
- Luôn giữ cho khe gió của quạt thông thoáng.
- Không đặt thiết bị dư ới ánh nắng trực tiếp hoặc gần bức xạ. Lò sưởi hoặc các nguồn nhiệt tư ớng tự.
- Nếu đặt thiết bị ngay cạnh lò sưởi, mức tiêu thụ năng lượng có thể tăng nhẹ. Điều này phụ thuộc vào tuổi thọ và cơ ớng độ sử dụng của lò sưởi.

lò vi sóng.

- Mức tiêu thụ năng lượng phụ thuộc vào điều kiện lắp đặt, ví dụ như nhiệt độ môi trường (xem mục 1.4 Phạm vi sử dụng của thiết bị). Nhiệt độ môi trường ấm hơn có thể làm tăng mức tiêu thụ năng lượng.
- Mở thiết bị trong thời gian ngắn nhất có thể.
- Nhiệt độ cài đặt càng thấp thì mức tiêu thụ năng lượng càng cao.

Bụi lắng đọng làm tăng mức tiêu thụ năng lượng:

- Đối với tủ lạnh có bộ trao đổi nhiệt, hãy phủi bụi lưu trữ kim loại ở mặt sau của thiết bị mỗi năm một lần.



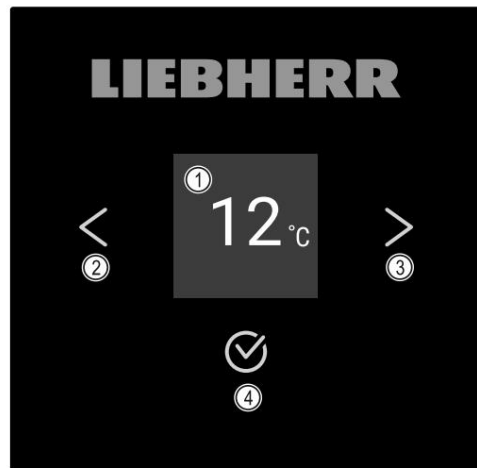
7 Điều khiển

7.1 Các thành phần điều khiển và hiển thị

Màn hình cung cấp cái nhìn tổng quan nhanh về trạng thái thiết bị hiện tại, cài đặt nhiệt độ, trạng thái chức năng và cài đặt cũng như thông báo cảnh báo và lỗi.

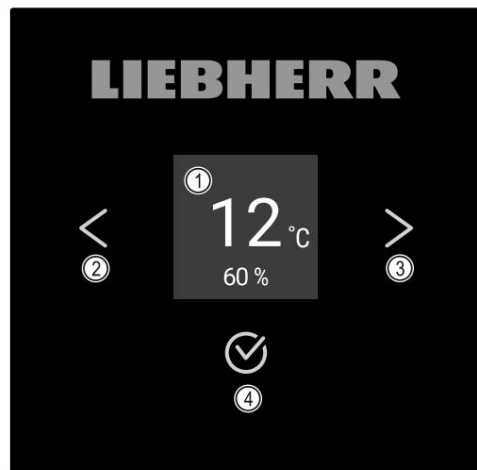
Nó được vận hành bằng cách sử dụng các mũi tên điều hướng và biểu tượng xác nhận.

Có thể kích hoạt hoặc hủy kích hoạt các chức năng và thay đổi giá trị cài đặt.



Hình 17 Hiển thị

- | | |
|------------------------------|--------------------------------------|
| (1) Hiển thị trạng thái | (3) Điều hướng về phía trước mũi tên |
| (2) Điều hướng ngược mũi tên | (4) Xác nhận |



Hình 18 Màn hình hiển thị với HumidityControl

- | | |
|------------------------------|--------------------------------------|
| (1) Hiển thị trạng thái | (3) Điều hướng về phía trước mũi tên |
| (2) Điều hướng ngược mũi tên | (4) Xác nhận |

Hiển thị trạng thái



Hình 19 Hiển thị trạng thái với nhiệt độ*



Hình 20 Màn hình trạng thái*

(1) Nhiệt độ (2) Độ ẩm Màn hình trạng thái hiển thị nhiệt độ và là màn hình chính. Từ đây, bạn có thể điều hướng đến các chức năng và cài đặt khác. Màn hình trạng thái có thể hiển thị một loạt các ký hiệu hiển thị.

Biểu tượng hiển thị

Biểu tượng hiển thị cung cấp thông tin về trạng thái của thiết bị.

Biểu tượng	Trạng thái thiết bị
	Thiết bị chờ đã tắt.
	Biểu tượng chờ nhấp nháy Thiết bị đang khởi động.
	Nhiệt độ nhấp nháy Nhiệt độ mục tiêu chưa đạt được. Thiết bị đang làm mát đến nhiệt độ đã đặt.
	Hiển thị nhiệt độ
	D trên màn hình Thiết bị đang ở chế độ DemoMode.
	Biểu tượng nhấp nháy Lỗi vẫn đang xảy ra.
	Biểu tượng lỗi Thiết bị đang ở trạng thái lỗi.
	Thanh màu trắng ở phía dưới Menu phụ
	Nền trắng Mặc định, cài đặt đang hoạt động hoặc giá trị đang hoạt động

Biểu tượng	Trạng thái thiết bị
	Thanh tăng dần Nhấn nút trong 3 giây để kích hoạt cài đặt.
	Thanh giảm Nhấn nút trong 3 giây để hủy kích hoạt cài đặt.

Biểu tượng hiển thị trạng thái

Tín hiệu âm thanh

Tín hiệu sẽ phát ra trong các trường hợp sau: -

- Nếu một chức năng hoặc một giá trị được xác nhận.
- Nếu một chức năng hoặc một giá trị không thể được kích hoạt hoặc không thể bị hủy kích hoạt.
- Ngay khi có lỗi xảy ra.
- Nếu có tín hiệu báo động.

Báo động có thể được bật và tắt trong khách hàng thực đơn.

7.2 Chức năng của thiết bị

7.2.1 Ghi chú về chức năng của thiết bị

Các chức năng của thiết bị được thiết lập tại nhà máy để thiết bị của bạn hoạt động đầy đủ chức năng.

Trước khi bạn thay đổi, kích hoạt hoặc hủy kích hoạt các chức năng của thiết bị, hãy đảm bảo rằng các yêu cầu sau được đáp ứng: Bạn đã đọc và hiểu mô tả về cách thức hoạt động của màn hình. (xem 3 Chức năng của màn hình cảm ứng)

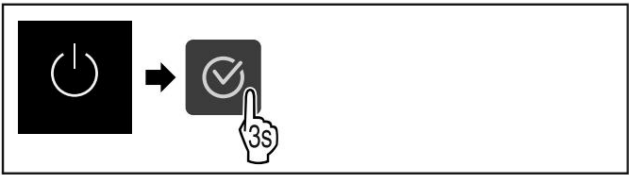
Bạn đã làm quen với các bộ phận vận hành và hiển thị của thiết bị. (xem 7.1 Bộ phận điều khiển và hiển thị)



7.2.2 Bật và tắt thiết bị Sử dụng cài đặt này có thể bật và tắt toàn bộ thiết bị.

Bật thiết bị

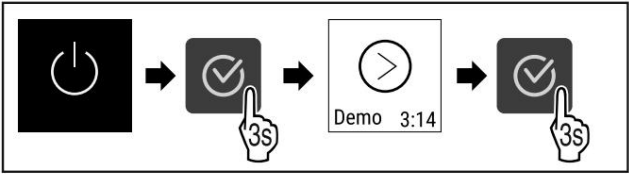
Nếu không kích hoạt DemoMode:



Hình 21

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.

Khi DemoMode được kích hoạt:

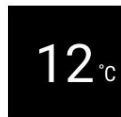


Hình 22

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.

Lưu ý: Tắt DemoMode trước khi quá trình đếm ngược kết thúc.

Kiểm soát



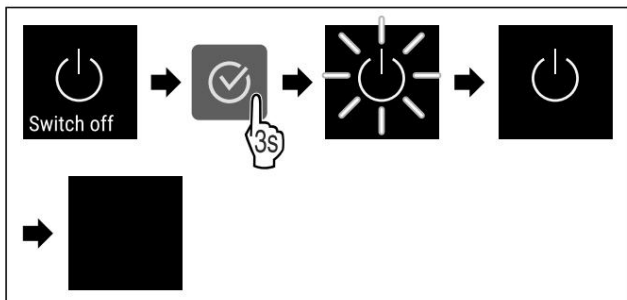
Hình 23

* Nhiệt độ hiển thị trên màn hình.

Tắt thiết bị



Hình 24



Hình 25

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.
Biểu tượng chờ sẽ hiển thị trên màn hình.
Màn hình sẽ tắt sau khoảng 10 phút.

7.2.3 WiFi

Sử dụng chức năng này để kết nối thiết bị của bạn với WiFi. Sau đó, bạn có thể vận hành thiết bị thông qua ứng dụng SmartDevice trên thiết bị di động. Bạn cũng có thể sử dụng chức năng này để ngắt kết nối hoặc thiết lập lại kết nối WiFi.

Để kết nối thiết bị của bạn với WiFi, bạn cần có SmartDeviceBox.*

Thông tin thêm về SmartDevice: (xem 1.3 SmartDevice)

Ghi chú

Chức năng SmartDevice không khả dụng ở các quốc gia sau: Nga, Belarus, Kazakhstan.

Bạn không thể sử dụng SmartDeviceBox.*

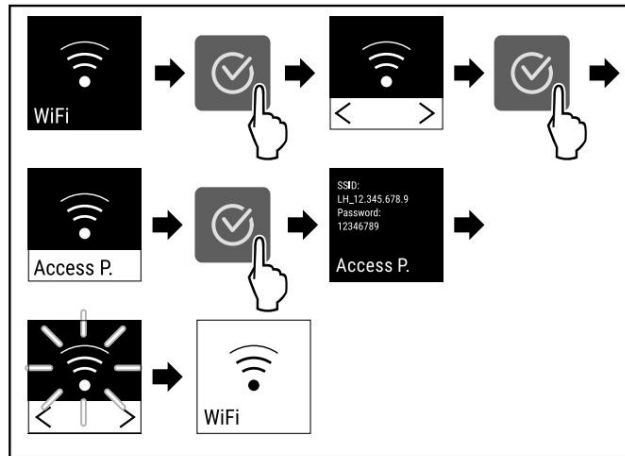
Thiết lập kết nối WiFi lần đầu tiên Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: Bạn đã mua và lắp SmartDeviceBox. (xem 1.3

SmartDevice) * Bạn đã cài đặt ứng dụng SmartDevice (xem apps.home.liebherr.com).

Đăng ký trên ứng dụng SmartDevice đã hoàn tất.



Hình 26



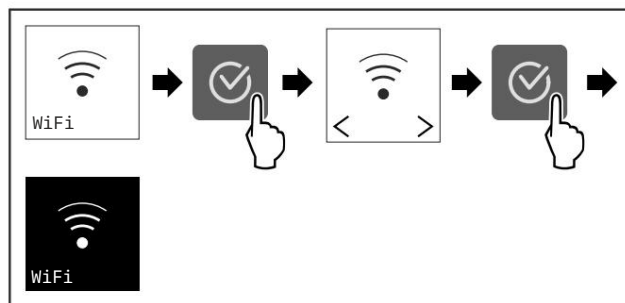
Hình 27

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Kết nối đã được thiết lập.

Ngắt kết nối khỏi WiFi



Hình 28



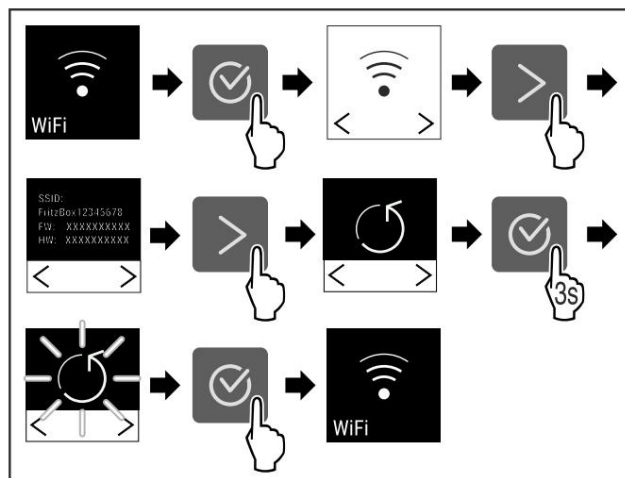
Hình 29

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Không có kết nối.

Đặt lại kết nối WiFi



Hình 30



Hình 31

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.

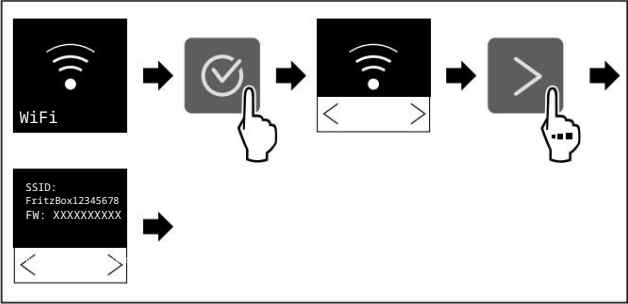
Kết nối WiFi và các cài đặt WiFi khác được khôi phục về cài đặt gốc.

Cài đặt đơn vị nhiệt độ

Hiển thị thông tin về kết nối WiFi



Hình 32



Hình 33



Hình 34 Hiển thị trạng thái Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.

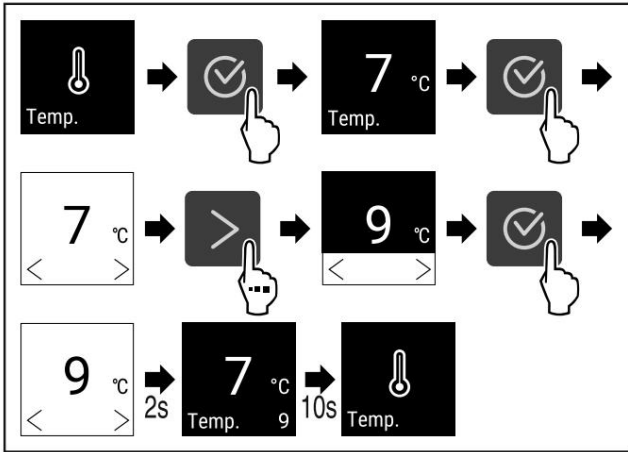


7.2.4 Nhiệt độ

Nhiệt độ phụ thuộc vào các yếu tố sau:

- Cửa mở thư ởng xuyên như thế nào
- Cửa mở trong bao lâu
- Nhiệt độ phòng nơi lắp đặt
- Loại, nhiệt độ và số lượng hàng hóa được làm lạnh

Cài đặt nhiệt độ



Hình 35 Thay đổi nhiệt độ từ 7 °C đến 9 °C Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Nhiệt độ đã được cài đặt.

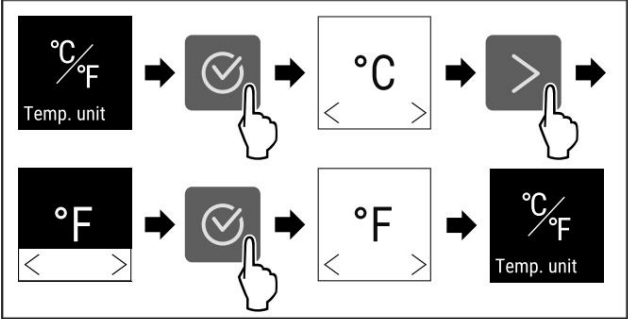


7.2.5 Đơn vị nhiệt độ Sử dụng chức năng

này để cài đặt đơn vị nhiệt độ. Bạn có thể cài đặt độ C hoặc độ F làm đơn vị nhiệt độ.



Hình 36



Hình 37 Ví dụ minh họa: Chuyển từ độ C sang độ F. Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Đơn vị nhiệt độ đã được thiết lập.



7.2.6 Chế độ ngày Sa-bát

Bạn có thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt Chế độ Sabbath. Khi bạn kích hoạt chức năng này, một số chức năng điện tử sẽ bị tắt. Nhờ đó, thiết bị của bạn đáp ứng các yêu cầu tôn giáo cho các ngày lễ Do Thái như Sabbath và tuân thủ chứng nhận STAR-K Kosher.

Trạng thái thiết bị khi SabbathMode đang hoạt động
Màn hình trạng thái luôn hiển thị chế độ SabbathMode.
Tất cả các chức năng trên màn hình đều bị khóa ngoại trừ chức năng Deactivate SabbathMode.
Các chức năng đang hoạt động vẫn đang hoạt động.
Màn hình vẫn sáng khi bạn đóng cửa.
Hệ thống chiếu sáng bên trong đã bị tắt.
Lời nhắc không được thực hiện. Khoảng thời gian đã đặt sẽ dừng lại.
Không hiển thị lời nhắc và cảnh báo.
Không có chuông báo động cửa.
Không có báo động nhiệt độ.
Sau khi mất điện, thiết bị sẽ trở về chế độ SabbathMode.

Trạng thái thiết bị

Lưu ý

ý Thiết bị này có chứng nhận từ "Viện Khoa học và Halacha". (www.machonhalacha.co.il)

Bạn có thể tìm danh sách các thiết bị được chứng nhận STAR-K tại www.star-k.org/appliances.

Kích hoạt chế độ Sabbath



Hình 38



Tắt SabbathMode: Chế độ

Hình 40

năng này để cài đặt độ ẩm bên trong thiết bị của bạn.
Thiết lập độ ẩm chính xác sẽ có tác động tích cực đến cấu trúc của nút chai trong quá trình bảo quản lâu dài và ngăn chúng bị khô.

Ghi chú

Tần suất và thời gian mở cửa ảnh hưởng đến độ ẩm trong thiết bị.

Bạn có thể chọn giữa hai cài đặt độ ẩm:*

Chức năng chọn độ ẩm*	Nhiệt độ lưu ợng khi tiêu thụ* thiết bị*	Cài đặt ứng dụng/năng
Tiêu chuẩn (cài đặt trư ợc)	10-12 °C	độ ẩm trung bình trong môi trư ờng từ 50-80% mức tiêu thụ năng lư ợng thấp của thiết bị
Cao	10-12 °C	độ ẩm trung bình trong môi trư ờng < 50% mức tiêu thụ năng lư ợng của thiết bị tăng lên

Tăng độ ẩm trong thiết bị



Thiết lập độ ẩm trong thiết bị theo tiêu chuẩn



Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Độ
âm trong thiết bị giảm.



Sử dụng chức năng này để cài đặt độ ẩm bên trong thiết bị của bạn. Thiết bị của bạn được trang bị cảm biến độ ẩm. Việc thiết lập độ ẩm chính xác sẽ có tác động tích cực đến cấu trúc của nút chai trong quá trình bảo quản lâu dài và ngăn ngừa chúng bị khô.

Bạn có thể cài đặt độ ẩm từ 50% đến 80% với mức tăng năm phần trăm. Nếu bạn thay đổi độ ẩm, máy sẽ tự động điều chỉnh theo giá trị đã thay đổi trong vòng vài ngày đến vài tuần. Chức năng kiểm soát độ ẩm hoạt động tốt nhất ở nhiệt độ môi trường từ 19 °C đến 25 °C.

Lưu ý về độ ẩm trong thiết bị như sau: - Lưu ý khi bảo quản
rượu - Độ ẩm trong thiết

bị phụ thuộc vào tần suất và thời gian mở cửa, nhiệt độ và độ ẩm môi trường, tải trọng và cài đặt thiết bị.

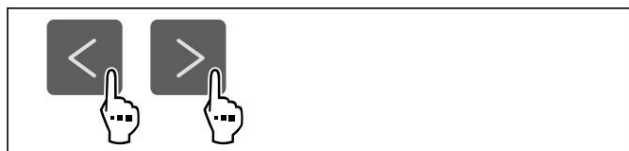
- Biến động do tác động vật lý gây ra ảnh hưởng đến độ ẩm trong thiết bị.
- Màn hình hiển thị sự thay đổi độ ẩm trong thiết bị theo thời gian trễ.
- Màn hình hiển thị giá trị độ ẩm trung bình trên 2 giờ.

Lưu ý

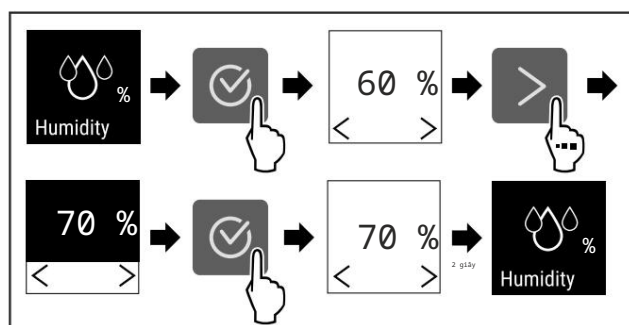
ý: Nếu bạn vận hành thiết bị trong môi trường rất khô và lạnh (độ ẩm < 30% và nhiệt độ môi trường < 16 °C), Liebherr khuyên bạn nên mua hộp đựng nước từ danh mục phụ kiện.

Bạn có thể mua phụ kiện từ cửa hàng Liebherr-Hausgeräte tại home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html.

Thay đổi độ ẩm trong thiết bị



Hình 45



Hình 46

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Độ ẩm trong thiết bị thay đổi theo giá trị đã chọn.



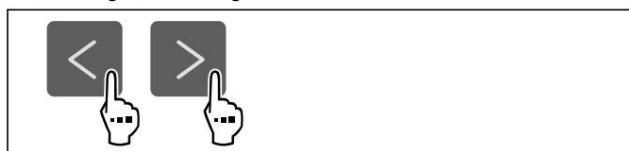
7.2.9 Cường độ chiếu sáng

Cài đặt này cho phép điều chỉnh độ sáng bên trong theo từng bước.

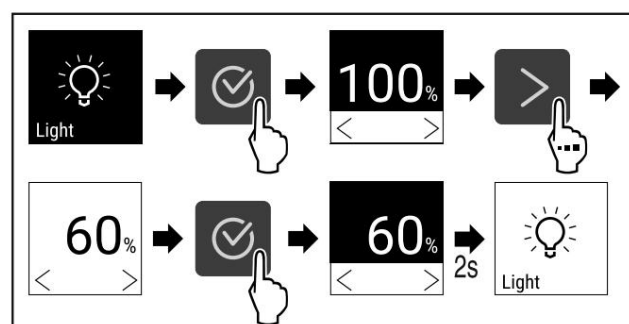
Có thể thiết lập các giá trị độ sáng sau:

- Tắt
- 20%
- 40%
- 60%
- 80%
- 100% (mặc định)

Cài đặt cường độ ánh sáng



Hình 47



Hình 48

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Cường độ ánh sáng tăng hoặc giảm tương ứng.



7.2.10 Độ sáng màn hình Sử dụng

chức năng này để cài đặt độ sáng màn hình theo từng giai đoạn.

Bạn có thể chọn các mức độ sáng sau: - 20% - 40% - 60% - 80% -

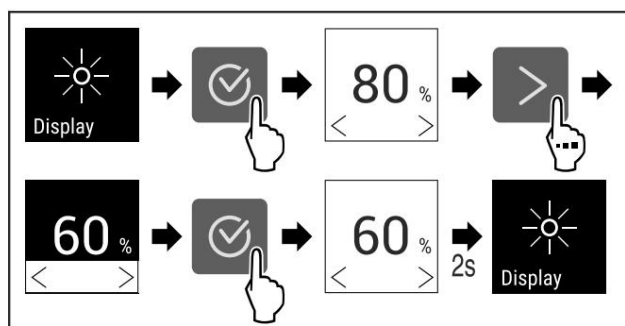
100% (cài

đặt trước)

Cài đặt độ sáng



Hình 49



Hình 50 Ví dụ minh họa: Chuyển từ 80% sang 60%.

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Độ sáng đã được thiết lập.



7.2.11 Bàng báo động

Sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt báo động cửa.

Chuông báo cửa sẽ kêu nếu cửa mở quá lâu. Chuông báo cửa sẽ được kích hoạt khi giao hàng. Bạn có thể cài đặt thời gian cửa có thể mở trước khi chuông báo cửa kêu.

Có thể thiết lập các giá trị sau: - 1 phút

- 2 phút - 3

phút

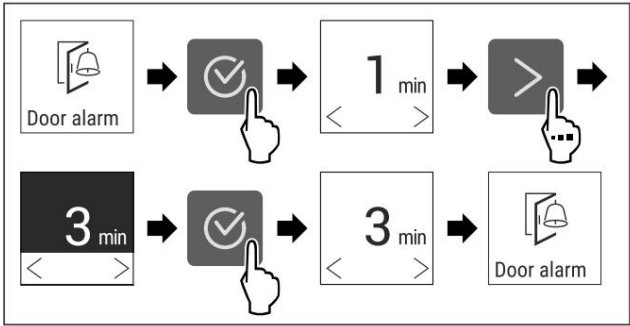
- Tắt

Cài đặt báo động cửa



Hình 51

Kiểm soát



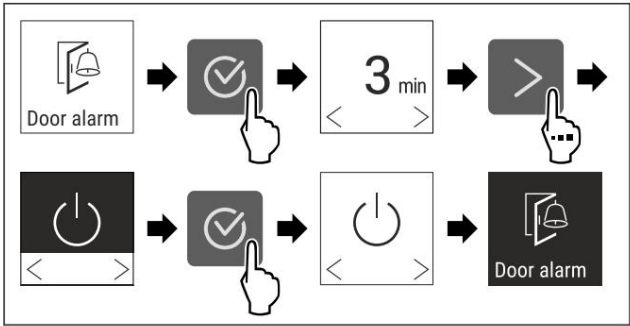
Hình 52 Ví dụ minh họa: Thay đổi báo động cửa từ 1 phút thành 3 phút. Thực hiện các bước

hành động theo hình minh họa. Báo động cửa đã được cài đặt.

Tắt báo động cửa



Hình 54



Hình 55

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Báo động cửa đã bị vô hiệu hóa.



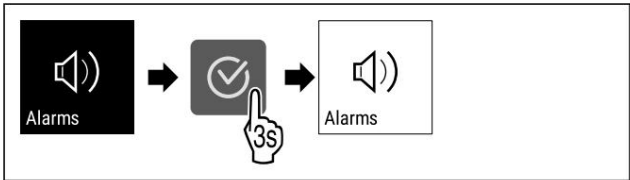
7.2.12 Âm thanh báo động

Chức năng này cho phép bật và tắt tất cả âm thanh báo động, chẳng hạn như báo động cửa.

Kích hoạt âm thanh báo động



Hình 56



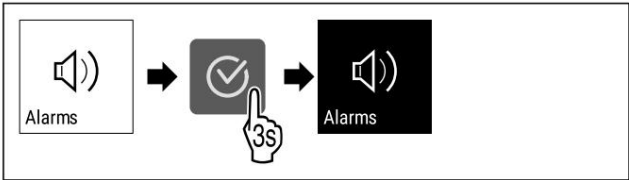
Hình 57

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Âm thanh báo động đã được kích hoạt.

Tắt âm thanh báo động



Hình 58



Hình 59

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Âm thanh báo động đã bị tắt.



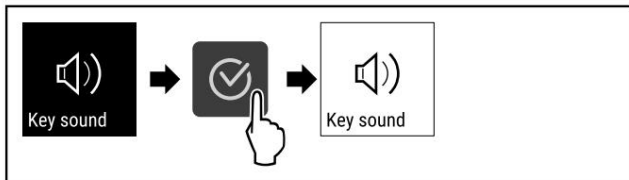
7.2.13 Âm thanh chính

Chức năng này cho phép bật hoặc tắt tất cả âm thanh xác nhận và Startsound.

Kích hoạt âm thanh phím



Hình 60



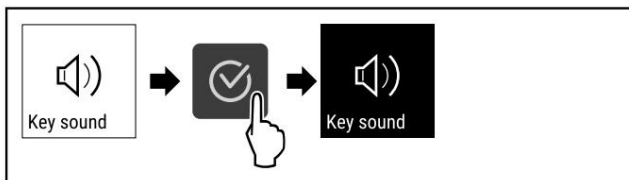
Hình 61

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Âm thanh phím đã được kích hoạt.

Tắt âm thanh phím



Hình 62



Hình 63

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Âm thanh phím đã bị tắt.



7.2.14 Khóa màn hình

Cài đặt này giúp tránh việc vận hành thiết bị một cách vô tình.

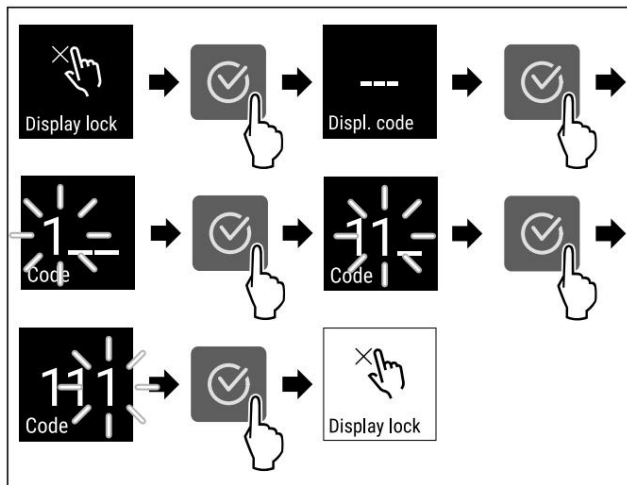
Ứng dụng:

- Ngăn chặn các thiết lập và chức năng bị thay đổi ngoài ý muốn về mặt ngôn ngữ.
- Ngăn chặn thiết bị bị tắt ngoài ý muốn.
- Ngăn ngừa nhiệt độ được cài đặt ngoài ý muốn.

Kích hoạt khóa màn hình



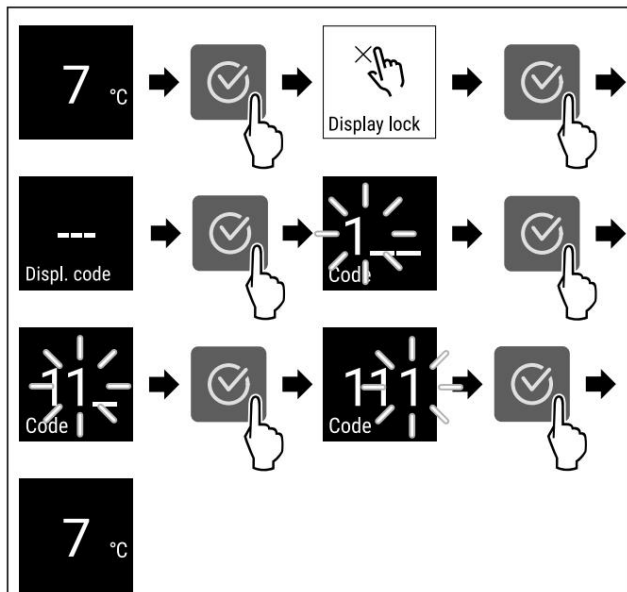
Hình 64



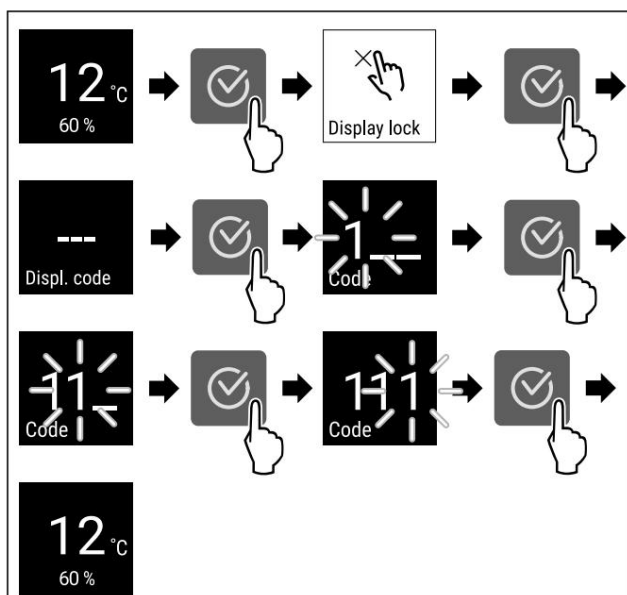
Hình 65 Ví dụ sử dụng mã hiển thị cài đặt trước 1 1 1.

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Khóa màn hình được kích hoạt. Màn hình trạng thái xuất hiện.

Mở khóa màn hình trong thời gian ngắn



Hình 66 *



Hình 67 *

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Khóa màn hình bị vô hiệu hóa. Màn hình trạng thái xuất hiện.



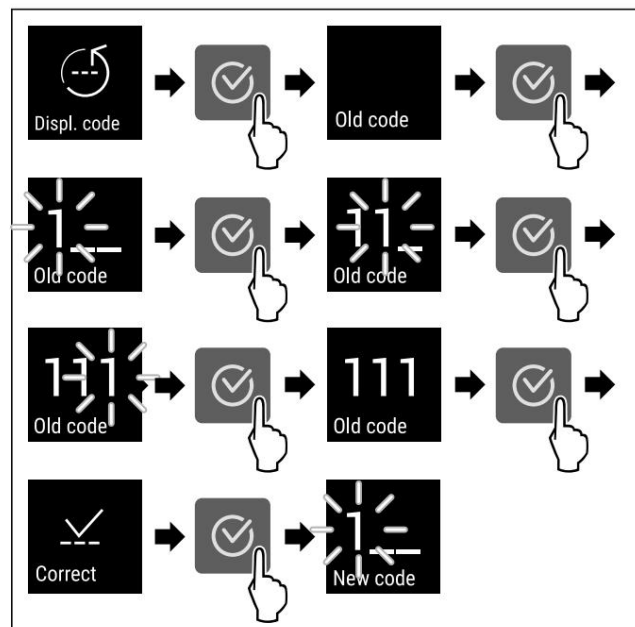
7.2.15 Mã PIN màn hình Sử

dụng chức năng này để thay đổi mã PIN màn hình. Mã PIN màn hình được đặt thành 1 1 1 khi giao hàng. Nếu bạn quên mã PIN màn hình, bạn có thể đặt lại mã PIN màn hình bằng cách khôi phục cài đặt gốc cho thiết bị. (xem 7.2.21 Khôi phục cài đặt gốc)

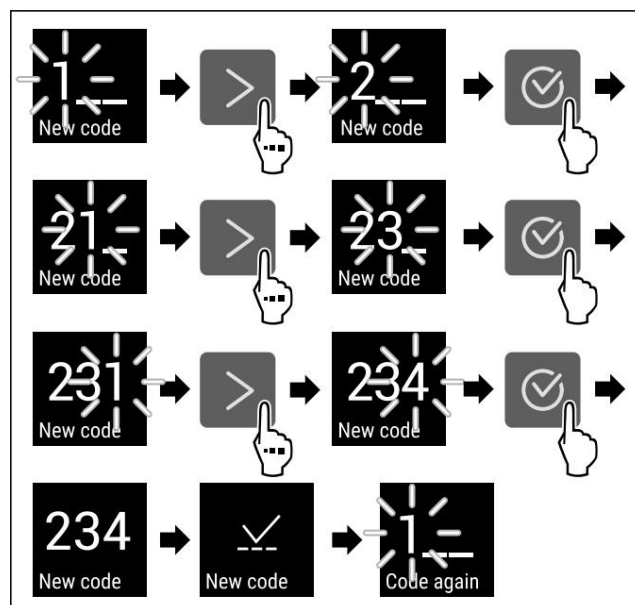
Thay đổi mã PIN hiển thị



Hình 68

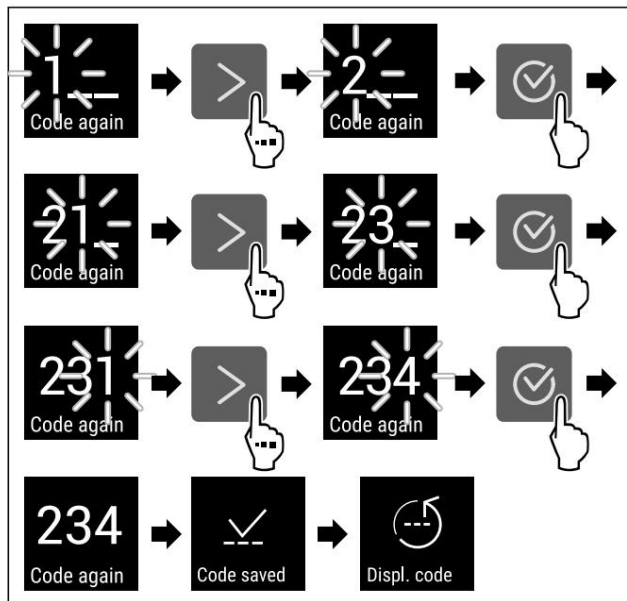


Hình 69 Ví dụ minh họa: Thay đổi mã PIN hiển thị từ cài đặt gốc 1 1 1 thành 2 3 4



Hình 69 Ví dụ minh họa: Thay đổi mã PIN hiển thị từ cài đặt gốc 1 1 1 thành 2 3 4

Kiểm soát



Hình 69 Ví dụ minh họa: Thay đổi mã PIN hiển thị từ cài đặt gốc 1 1 1 thành 2 3 4

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Mã PIN hiển thị đã được thay đổi.



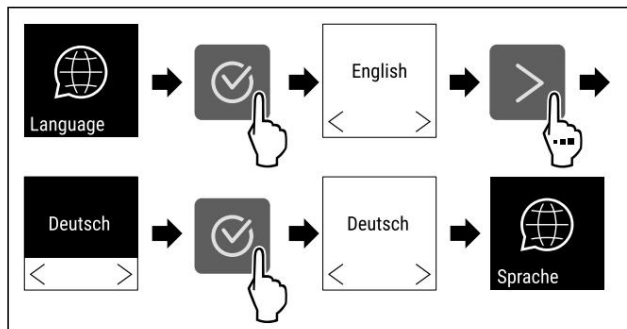
7.2.16 Ngôn ngữ Cài

đặt này cho phép thiết lập ngôn ngữ hiển thị.

Cài đặt ngôn ngữ



Hình 70



Hình 71

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Ngôn ngữ đã chọn đã được thiết lập.



7.2.17 Thông tin thiết bị

Sử dụng chức năng này để chỉ ra tên model, mã sản phẩm, số sê-ri và số dịch vụ của thiết bị. Bạn sẽ cần thông tin thiết bị khi liên hệ với bộ phận chăm sóc khách hàng. (xem mục 10.4 Dịch vụ Khách hàng)

Chức năng này cũng mở menu Nâng cao. (xem 3 Chức năng của màn hình cảm ứng)

Chỉ ra thông tin thiết bị



Hình 72



Hình 73

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Màn hình hiển thị thông tin thiết bị.



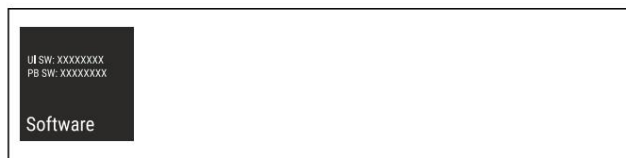
7.2.18 Phần mềm

Sử dụng chức năng này để chỉ ra phiên bản phần mềm của thiết bị của bạn.

Chỉ ra phiên bản phần mềm



Hình 74



Hình 75

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Màn hình hiển thị phiên bản phần mềm.



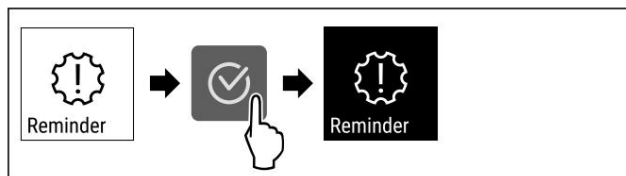
7.2.19 Nhắc nhở

Chức năng này cho phép bạn kích hoạt hoặc hủy kích hoạt lời nhắc thay bộ lọc than hoạt tính FreshAir.

Tắt lời nhắc



Hình 76



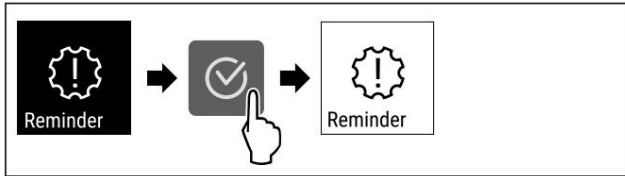
Hình 77

Thực hiện các bước theo hình minh họa. Tắt chức năng nhắc nhở.

Kích hoạt lời nhắc



Hình 78



Hình 79

Thực hiện các bước theo hình minh họa. Tính năng nhắc nhở được kích hoạt.



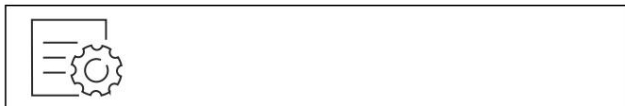
7.2.20 Chế độ demo

Chế độ demo là tính năng đặc biệt dành cho các đại lý muốn trình diễn các tính năng của thiết bị. Nếu bạn kích hoạt chế độ demo, tất cả các chức năng làm lạnh sẽ bị vô hiệu hóa.

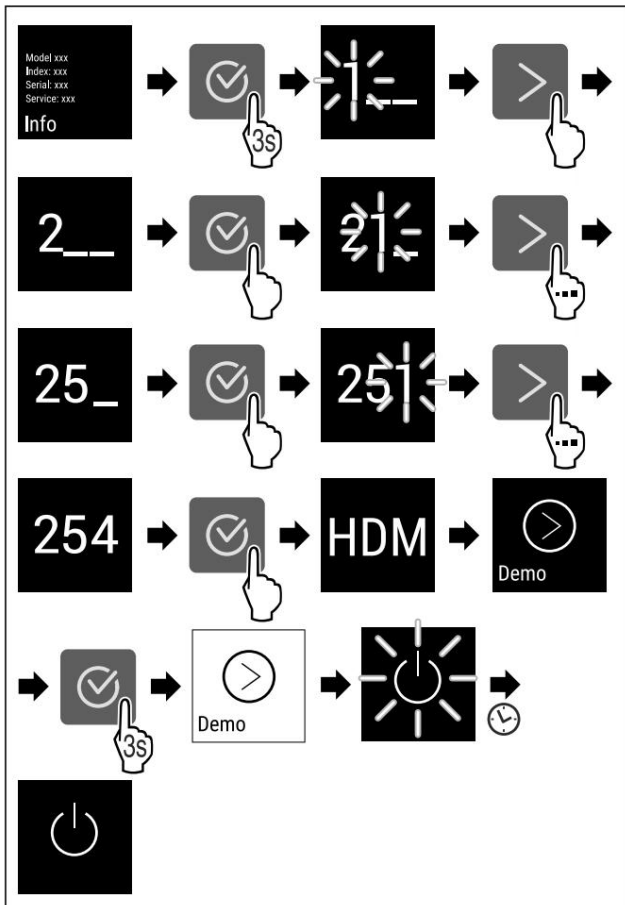
Nếu bạn bật thiết bị và chữ "D" xuất hiện trên màn hình trạng thái, chế độ demo đã được kích hoạt.

Nếu bạn kích hoạt rồi hủy kích hoạt chế độ demo, thiết bị sẽ được khôi phục về cài đặt gốc. (xem 7.2.21 Khôi phục cài đặt gốc)

Kích hoạt chế độ demo



Hình 80



Hình 81

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Chế độ demo được kích hoạt.

Tắt thiết bị. Bật thiết bị.

(xem 4.1 Bật thiết bị

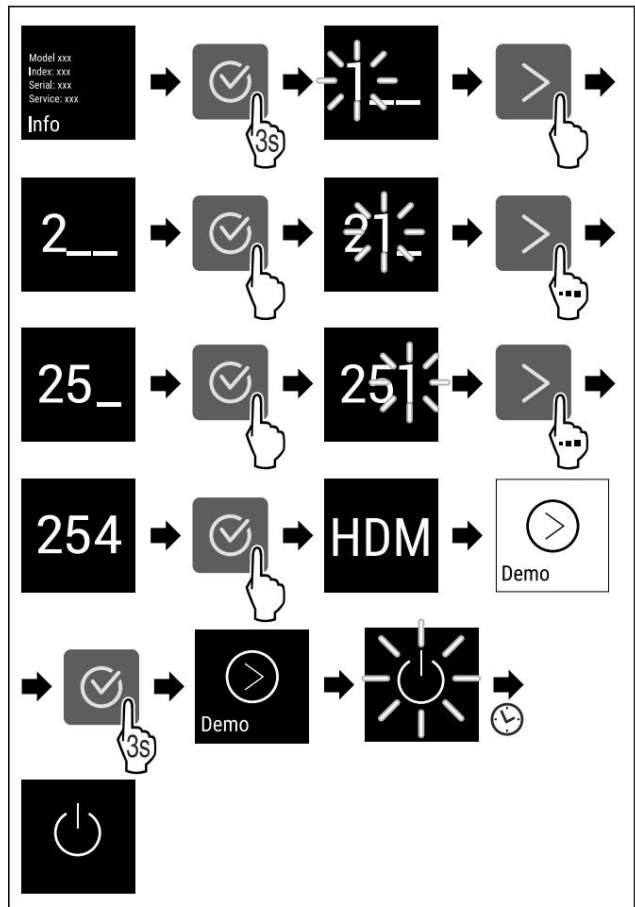
(lần sử dụng

đầu tiên)) "D" xuất hiện trên màn hình trạng thái.

Tắt chế độ demo



Hình 82



Hình 83

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Chế độ demo bị vô hiệu hóa. Thiết bị đã tắt. Bật thiết bị. (xem 4.1 Bật thiết bị (lần sử dụng đầu tiên)) Thiết bị được khôi phục về cài đặt gốc.



7.2.21 Khôi phục cài đặt gốc

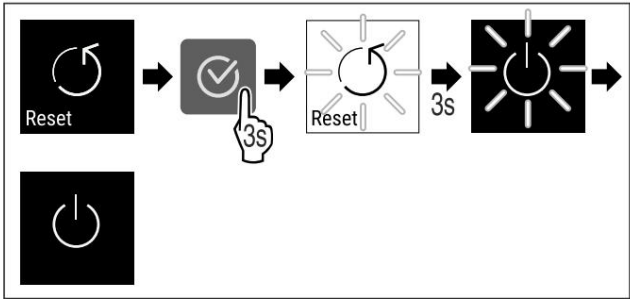
Sử dụng chức năng này để khôi phục tất cả cài đặt về mặc định của nhà sản xuất. Tất cả các thiết lập bạn đã thực hiện cho đến nay đều được khôi phục về cài đặt gốc.

Thực hiện thiết lập lại



Hình 84

Kiểm soát



Hình 85
Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.

Thiết bị được đặt lại. Thiết bị đã tắt.
Khởi động lại thiết bị. (xem 4.1 Bật thiết bị (đầu tiên sử dụng))

7.3 Tin nhắn

7.3.1 Cảnh báo

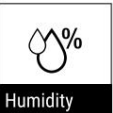
Cảnh báo được phát ra bằng tín hiệu âm thanh và hình ảnh thông qua biểu tượng trên màn hình. Tín hiệu sẽ to dần cho đến khi cảnh báo được xác nhận.

Tin nhắn	Gây ra	Biện pháp khắc phục
 Door open Bằng cách mở	Thông báo này sẽ xuất hiện nếu cửa mở quá lâu.	Đóng cửa lại. Nhấn nút xác nhận. Báo thức đã kết thúc. Ghi chú Bạn có thể thiết lập thời gian để thông báo này xuất hiện (xem 7.2.11 Bảo động cửa). 
 Temperature Bảo động nhiệt độ	Thông báo này xuất hiện nếu nhiệt độ không khớp với nhiệt độ đã cài đặt. Nguyên nhân gây ra sự chênh lệch nhiệt độ có thể là: - Có đồ ẩm cần làm lạnh được đặt bên trong. - Quá nhiều không khí ẩm trong phòng tràn vào khi sắp xếp lại và lấy các sản phẩm đã được làm lạnh ra. Nguồn điện bị cắt trong một thời gian dài.	Nhấn nút xác nhận. Hiện thị nhiệt độ là Hiện thị nhiệt độ Nhấn nút xác nhận. Nhiệt độ hiện tại sẽ nhấp nháy và màn hình sẽ hiển thị xen kẽ biểu tượng cảnh báo nhiệt độ cho đến khi đạt đến nhiệt độ cài đặt. Kiểm tra chất lượng hàng hóa đông lạnh.  
 Error Lỗi	Thiết bị bị lỗi, có lỗi ở thiết bị hoặc một bộ phận của thiết bị bị lỗi.	Vận chuyển hàng hóa đông lạnh. Nhấn nút xác nhận. Mã lỗi được hiển thị. Nhấn nút xác nhận. Nếu có, mã lỗi khác sẽ được chỉ ra. hoặc Màn hình trạng thái có biểu tượng lỗi nhấp nháy sẽ hiển thị. Nhấn các nút điều hướng để hiển thị lại mã lỗi. Lưu ý mã lỗi và liên hệ với bộ phận chăm sóc khách hàng.    
 Power Mất điện	Thông báo sẽ xuất hiện sau khi nguồn điện bị gián đoạn nếu nhiệt độ vượt quá giới hạn báo động khi có điện trở lại.	Nhấn nút xác nhận. Nhiệt độ ấm nhất sẽ được hiển thị. Nhấn nút xác nhận. Báo thức bị hủy và nhiệt độ hiện tại được hiển thị. Kiểm tra chất lượng hàng hóa đông lạnh.  

Tin nhắn	Gây ra	Biện pháp khắc phục
 WiFi error Lỗi WLAN	Kết nối WLAN bị gián đoạn.	Kiểm tra kết nối. Nhấn nút xác nhận. Báo thức đã kết thúc.
 WWW error Lỗi WLAN WWW	Thông báo này sẽ xuất hiện nếu không có kết nối Internet qua WLAN.	Kiểm tra kết nối. Nhấn nút xác nhận. Báo thức đã kết thúc.

7.3.2 Nhắc nhở

Lời nhắc sẽ xuất hiện khi bạn được yêu cầu làm điều gì đó. Lời nhắc được phát ra bằng tín hiệu âm thanh và hình ảnh thông qua biểu tượng trên màn hình. Xác nhận tin nhắn bằng cách nhấn nút xác nhận.

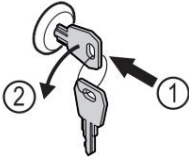
Tin nhắn	Gây ra	Biện pháp khắc phục
 FreshAir Bộ lọc than hoạt tính ReplaceFreshAir	Tin nhắn này xuất hiện 6 tháng một lần.	Bộ lọc than hoạt tính ReplaceFreshAir,  Lời nhắc đã đóng.
 Humidity *	Thông báo này xuất hiện nếu độ ẩm giảm. Đổ đầy khay nước.*	* xuống dưới 50%.*  Lời nhắc đã đóng.*

8 tính năng

8.1 Khóa an toàn

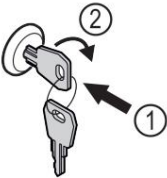
Khóa ở cửa thiết bị được trang bị cơ chế an toàn.

8.1.1 Thiết bị khóa



Hình 86 Ví dụ minh họa Cắm chìa khóa.
Xoay chìa khóa ngược chiều kim đồng hồ 90°. Thiết bị đã được mở khóa.

8.1.2 Mở khóa thiết bị

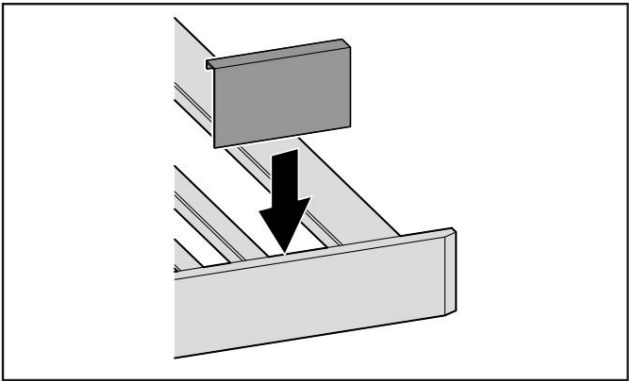


Hình 87 Ví dụ minh họa Chèn phím Hình 87 (1).

Xoay chìa khóa theo chiều kim đồng hồ 90° Hình 87 (2). Thiết bị đã được mở khóa.

8.2 Nhấn

Bạn có thể mua nhãn mô tả phụ kiện từ đại lý chuyên dụng. Bạn có thể sử dụng chúng để ghi chú các loại xử lý được bảo quản trong từng ngăn.



Hình 88
Đán nhãn từ phía trên.

* Tùy thuộc vào mẫu mã và tùy chọn

BẢO TRÌ

9 Bảo trì

9.1 Trao đổi không khí qua bộ lọc than hoạt tính FreshAir

Rủi ro vang liên tục phát triển theo điều kiện môi trường xung quanh, vì vậy chất lượng không khí rất cần thiết cho việc bảo quản.

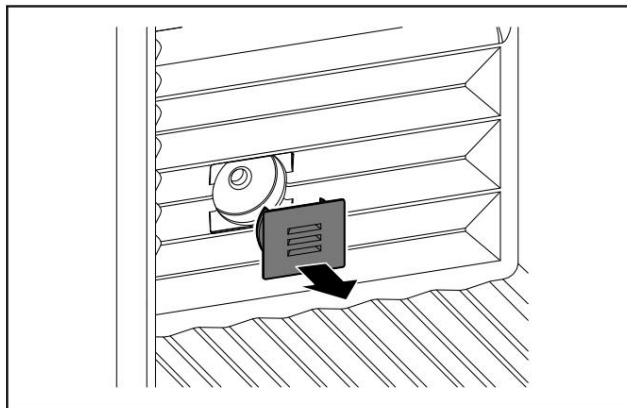
Bộ lọc than hoạt tính FreshAir đảm bảo chất lượng không khí tối ưu. Thay bộ lọc than hoạt

tính 6 tháng một lần. Vứt bỏ bộ lọc than hoạt tính cùng với rác thải sinh hoạt thông thường.

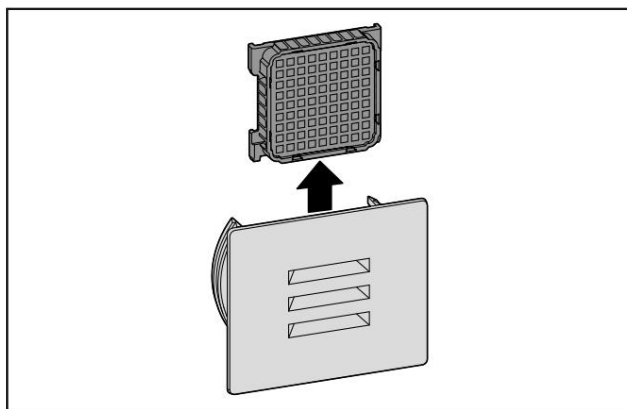
Lưu ý

ý: Bạn có thể mua bộ lọc than hoạt tính FreshAir tại cửa hàng Liebherr-Hausgeräte tại home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html.

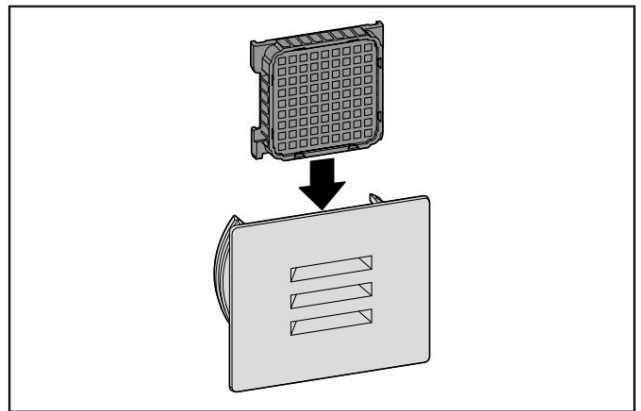
9.1.1 Thay thế bộ lọc than hoạt tính FreshAir



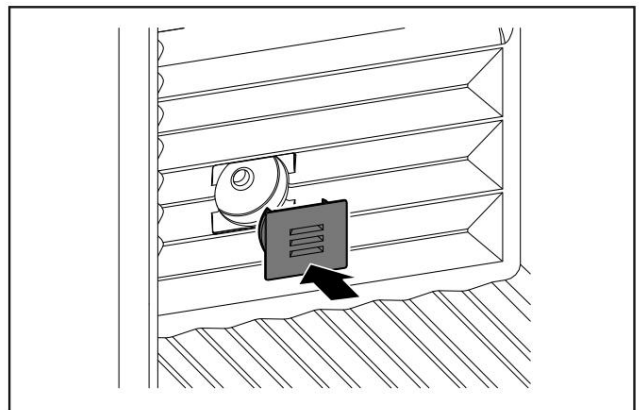
Hình 89
Kéo nắp ra.



Hình 90
Kéo bộ lọc ra.



Hình 91
Lắp bộ lọc mới.



Hình 92
Đặt nắp lại đúng vị trí.

9.2 Vệ sinh thiết bị

9.2.1 Sẵn sàng



CẢNH BÁO Nguy

cơ điện giật! Tháo đầu nối tủ lạnh hoặc ngắt nguồn điện cung cấp.



CẢNH BÁO Nguy

cơ hỏa hoạn

Không làm hỏng mạch làm lạnh.

Đổ hết nước trong thiết bị.
Tháo đầu nối nguồn điện.

9.2.2 Vệ sinh vỏ máy

THÔNG BÁO

Vệ sinh không đúng cách!

Hư hỏng thiết bị. Chỉ sử dụng

vải lau mềm và chất tẩy rửa đa năng có độ pH trung tính
ngủ yên dọn dẹp.

Không sử dụng miếng bọt biển mài mòn hoặc len thép vì có thể gây trầy xước.

Không sử dụng bất kỳ

chất tẩy rửa sắc nhọn hoặc mài mòn nào, cũng như bất kỳ chất nào có chứa cát, clova hoặc axit.



CẢNH BÁO

nguy cơ bị thương và hư hỏng do hơi nước nóng!
Hơi nước nóng có thể gây bỏng và làm hỏng bề mặt. Không sử dụng bất kỳ máy làm sạch bằng hơi nước nào!

Lau sạch vỏ máy bằng vải mềm, sạch. Nếu quá bẩn, hãy dùng nước ấm pha với chất tẩy rửa trung tính. Bề mặt kính cũng có thể được lau sạch bằng nước tẩy rửa kính.

9.2.3 Vệ sinh bên trong

THÔNG BÁO

Vệ sinh không đúng cách!
Hư hỏng thiết bị. Chỉ sử dụng
vải lau mềm và chất tẩy rửa đa năng có độ pH trung tính
ngưng đọng.
Không sử dụng miếng bọt biển mài mòn hoặc len thép vì có thể gây trầy xước.
Không sử dụng bất kỳ chất tẩy rửa sắc nhọn hoặc mài mòn nào, cũng như bất kỳ chất nào có chứa cát, clova hoặc axit.

Bề mặt nhựa: vệ sinh bằng tay với vải mềm sạch, nước ấm và một ít chất tẩy rửa.
Bề mặt kim loại: vệ sinh bằng tay với vải mềm sạch, nước ấm và một ít chất tẩy rửa.
Lỗ thoát nước: loại bỏ cặn bẩn bằng vật mỏng (ví dụ như tăm bông).

9.2.4 Vệ sinh thiết bị

THÔNG BÁO

Vệ sinh không đúng cách!
Hư hỏng thiết bị. Chỉ sử dụng
vải lau mềm và chất tẩy rửa đa năng có độ pH trung tính
ngưng đọng.
Không sử dụng miếng bọt biển mài mòn hoặc len thép vì có thể gây trầy xước.
Không sử dụng bất kỳ chất tẩy rửa sắc nhọn hoặc mài mòn nào, cũng như bất kỳ chất nào có chứa cát, clova hoặc axit.

Vệ sinh bằng khăn ẩm, không xơ: - Kệ đựng chai
Vệ sinh thiết bị.

9.2.5 Sau khi vệ sinh

Lau khô
thiết bị và các bộ phận. Cắm điện và bật thiết bị. Lập lại việc vệ sinh thường xuyên.

10 Hỗ trợ khách hàng

10.1 Thông số kỹ thuật

Tải trọng tối đa cho giá để chai	
Kệ đựng chai	60 kg
Giá để chai có thanh ray dạng ống lồng	25 kg

Chiếu sáng	
Lớp 1	Nguồn sáng
Sản phẩm này chứa một hoặc nhiều nguồn sáng đạt hiệu suất năng lượng loại G.	DẪN ĐẾN

1 Thiết bị có thể chứa các nguồn sáng có mức hiệu suất năng lượng khác nhau. Mức hiệu suất năng lượng thấp nhất sẽ được chỉ định.

Đối với các thiết bị có kết nối WiFi:*

Thông số tần số*	
Dải tần số	2,4 GHz
Bức xạ tối đa quyền lực	< 100 mW
Mục đích của thiết bị không dây	Tích hợp vào mạng WiFi cục bộ để truyền dữ liệu

10.2 Tiếng ồn khi vận hành

Thiết bị phát ra nhiều tiếng động khác nhau khi bật.

- Ở nhiệt độ cao hơn, thiết bị sử dụng ít năng lượng hơn nhưng hoạt động lâu hơn. Nó êm hơn.
 - Ở nhiệt độ thấp hơn, thực phẩm được làm lạnh nhanh hơn to hơn.
- Ví dụ: • Chức năng bật (xem 7.2 Chức năng của thiết bị) • Quạt đang chạy • Thước ăn vừa được thêm vào • Nhiệt độ môi trường cao • Cửa mở trong một thời gian

Tiếng ồn	Nguyên nhân có thể	Loại tiếng ồn
Súisọtbắntungtổe	VàChấtlàmmátcắyvàomặchlàmmátt.	Tiếngồnhoạtđộngbìnhthườ
Tiếngrít	Chấtlàmmátphunvàoặchlàmmátt.	Tiếngồnhoạtđộngbìnhthườ
Tiếngvo ve	Thiếtbịđanglàmmátt.Ầmlựợngphụthuộcvàocôngsuấtlàmmátt.	Tiếngồnhoạtđộngbìnhthườ
Tiếngxàoxạcrìrào	VàQuạtdangchạy. Hoạtđộngbìnhthườ	Tiếngồ
Nhấpchuộtt	Cácthànhpầndựợcbắtvàtắtt.	Tiếngồchuyểnmặcbìnhthườ
Tiếngvo ve lặchặch	hoặcvanhoặc cánvandanghoạtđộng.	Tiếngồchuyểnmặcbìnhthườ

Tiếng ồn	Khả thi gây ra	Loại tiếng ồn	Nâng
Rung động	Thiết lập không đúng	Tiếng ồn bị lỗi	Cân bằng thiết bị bằng chân có thể điều chỉnh.

Tiếng ồn	Khả thi gây ra	Loại tiếng ồn Nâng	
Tiếng lạch cạch	Linh kiện, vật dụng bên trong thiết bị	Tiếng ồn bị lỗi	Các thành phần an toàn. Rời khỏi đủ khoảng cách giữa các vật phẩm.

10.3 Lỗi kỹ thuật

Thiết bị của bạn đư ợc thiết kế và chế tạo để đảm bảo hoạt động đáng tin cậy và có tuổi thọ cao. Trong trư ờng hợp hiếm hoi xảy ra sự cố trong quá trình vận hành, vui lòng kiểm tra xem sự cố có phải do lỗi vận hành hay không. Nếu có, bạn sẽ phải trả phí gọi điện và sửa chữa ngay cả khi sự cố vẫn còn trong thời hạn bảo hành.

Bạn có thể tự sửa những lỗi sau.

10.3.1 Chức năng của thiết bị

Khuyết điểm	Gây ra	Biện pháp khắc phục
Thiết bị không hoạt động.	Thiết bị chưa a đư ợc bật. Bật thiết bị.	
	Phích cắm điện không đư ợc cắm đúng vào ổ cắm.	Kiểm tra phích cắm điện.
	Có điều gì đó không ổn với cầu chì ổ cắm điện.	Kiểm tra cầu chì.
	Mất điện	Giữ thiết bị đóng kín.
	Ổ cắm IEC không đư ợc cắm đúng cách vào thiết bị.	Kiểm tra ổ cắm IEC.
Nhiệt độ không đủ lạnh.	Cửa thiết bị không đư ợc đóng đúng cách.	Đóng cửa thiết bị.
	Nhiệt độ môi trư ờng quá cao.	Giải pháp cho vấn đề: (xem 1.4 Phạm vi sử dụng của thiết bị)
	Thiết bị đã đư ợc mở quá nhiều lần hoặc quá lâu.	Đợi xem nhiệt độ yêu cầu có tự điều chỉnh không. Nếu không, hãy liên hệ với Dịch vụ Khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ Khách hàng)
	Nhiệt độ đư ợc cài đặt không chính xác. Giảm nhiệt độ và kiểm tra sau 24 giờ.	
	Thiết bị quá gần nguồn nhiệt (lò nư ớng, lò sưởi, v.v.).	Di chuyển thiết bị hoặc nguồn nhiệt.
Giaoăng cửa bị lỗi hoặc cần thay thế vì lý do khác.	Giaoăng cửa có thể thay thế đư ợc. Có thể thay thế mà không cần dụng cụ chuyên dụng.	Liên hệ với Dịch vụ Khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ Khách hàng)
Thiết bị tích tụ quá nhiều đá hoặc hơi nư ớc ngưng tụ.	Giaoăng cửa có thể đã trư ợt ra khỏi rãnh.	Kiểm tra xem giaoăng cửa đã đư ợc lắp chặt vào rãnh chưa a.
Bề mặt bên ngoài của thiết bị ẩm.*	Nhiệt của mạch làm lạnh đư ợc sử dụng để tránh ngưng tụ.	Đây là điều bình trư ờng.

10.3.2 Tính năng

Khuyết điểm	Gây ra	Biện pháp khắc phục
Mốc trên chai rư ợu	Tư ơng tự như các loại vòng bi khác, Loại bỏ mọi cạnh keo dính. Một lớp nấm mốc nhỏ có thể hình thành tùy thuộc vào loại keo dán đư ợc sử dụng cho nhãn.	
Đèn bên trong không sáng.	Thiết bị chưa a đư ợc bật. Bật thiết bị.	
	Cửa đã mở lâu hơn 15 phút.	Đèn nội thất sẽ tự động tắt sau khoảng 15 phút khi cửa mở.

Khuyết điểm	Gây ra	Biện pháp khắc phục
	Đèn LED bên trong bị lỗi hoặc nắp bị hỏng.	Liên hệ với Dịch vụ Khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ Khách hàng)

10.4 Dịch vụ khách hàng

Trước tiên, hãy kiểm tra xem bạn có thể tự khắc phục lỗi hay không (xem mục 10 Trợ giúp khách hàng). Nếu bạn không thể khắc phục sự cố, hãy liên hệ với Dịch vụ Khách hàng.

Bạn có thể tìm địa chỉ trong tờ rơi kèm theo “Liebherr-Service” hoặc tại home.liebherr.com/service.

 **CẢNH BÁO SỬA**
chữa không chuyên nghiệp!
Chấn

thư ơng. Mọi sửa chữa và hành động - không đư ợc chỉ định rõ ràng - đối với thiết bị và cấp nguồn chỉ đư ợc thực hiện bởi nhân viên bảo dư ỡng. (xem mục 9 Bảo trì) Cấp nguồn bị hỏng chỉ có thể đư ợc thay thế bởi nhà sản xuất, Bộ phận Dịch vụ Khách hàng của nhà sản xuất hoặc ngư ời có trình độ tư ơng đư ợng. Đối với các thiết bị có đầu nối IEC, khách hàng có thể tự thay đổi.

10.4.1 Liên hệ với Dịch vụ Khách hàng

Đảm bảo rằng thông tin thiết bị sau đây có sẵn: Tên thiết bị (mẫu và chỉ mục)

Số dịch vụ (Dịch vụ) Số sê-ri (Số S)

Gọi thông tin thiết bị qua màn hình.

-hoặc-

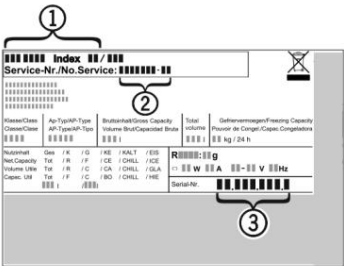
Tham khảo bảng thông tin thiết bị để biết thông tin. (xem 10.5 Bảng thông tin mẫu)

Ghi lại thông tin thiết bị. Thông báo cho bộ phận chăm sóc khách hàng: Báo cáo lỗi và thông tin thiết bị. Điều này sẽ giúp chúng tôi cung cấp cho bạn dịch vụ nhanh hơn và chính xác hơn.

Thực hiện theo hư ớng dẫn tiếp theo từ Bộ phận Chăm sóc Khách hàng.

10.5 Tắt mô hình

Tắt chữ nằm ở góc dư ới bên trái bên trong thiết bị.



Hình 93

(1) Mô tả thiết bị (2) Số dịch vụ (3) Số sê-ri

Lưu ý dữ liệu trên tấm mô hình.

11 Tắt máy

Làm trống thiết bị. Tắt thiết bị. (xem 7.2.2 Bật thiết bị và tắt)

Rút phích cắm điện ra khỏi ổ cắm. Tháo ổ cắm IEC nếu cần: Rút ổ cắm IEC ra khỏi phích cắm của thiết bị và đồng thời di chuyển sang trái và phải.

Vệ sinh thiết bị. (xem mục 9.2 Vệ sinh thiết bị) Để cửa mở để không phát sinh mùi khó chịu.

12 Xử lý

12.1 Chuẩn bị thiết bị để xử lý



Liebherr sử dụng pin trong một số thiết bị của mình. Tại EU, vì lý do môi trường, luật pháp yêu cầu ngư ời dùng cuối phải tháo pin trước khi thải bỏ thiết bị cũ. Nếu thiết bị của bạn có pin, sẽ có thông báo tư ơng ứng đư ợc đính kèm.

Đèn Nếu bạn có thể tự tháo đèn mà không làm hỏng chúng, hãy tháo chúng ra trước khi vứt bỏ.

Ngừng sử dụng thiết bị. Nếu có thể: tháo đèn mà không làm hỏng chúng.

12.2 Xử lý thiết bị theo cách thân thiện với môi trường



Thiết bị này vẫn chứa các vật liệu có giá trị và phải đư ợc xử lý riêng với rác thải đô thị chứ a phân loại.





Vứt bỏ pin riêng biệt với thiết bị cũ. Để làm điều này, bạn có thể trả lại pin miễn phí cho các nhà bán lẻ cũng như các trung tâm tái chế và thu gom vật liệu tái chế.

Đèn Vứt bỏ đèn đã tháo ra thông qua hệ thống thu gom tư ơng ứng.

Đối với Đức: Bạn có thể vứt bỏ thiết bị miễn phí thông qua các thùng thu gom loại 1 tại các trung tâm thu gom vật liệu tái chế và tái chế tại địa phư ơng. Khi mua tủ lạnh/tủ đông mới, nếu diện tích bán hàng > 400 m2, các nhà bán lẻ cũng sẽ nhận lại thiết bị cũ miễn phí.

Xử lý



CẢNH BÁO

Rò rỉ chất làm mát và dầu!

Cháy. Chất làm mát chứa trong thiết bị thân thiện với môi trường, nhưng cũng dễ cháy. Dầu chứa trong thiết bị cũng dễ cháy. Chất làm mát và dầu rò rỉ có thể bắt lửa nếu nồng độ đủ cao và tiếp xúc với nguồn nhiệt bên ngoài. Không làm hỏng đường ống dẫn nước làm mát và máy nén.

Tuân thủ các lưu ý khi vận chuyển thiết bị. Vận chuyển thiết bị mà không làm hỏng thiết bị. Vứt bỏ pin, đèn và thiết bị theo đúng thông số kỹ thuật nêu trên.



home.liebherr.com/fridge-manuals

EN

lưu trữ rữ ợu vãng

Ngày phát hành: 20250514

Mã số sản phẩm: 7080556-00

Liebherr-Hausgeräte GmbH
Memminger Straße 77-79
88416 Ochsenhausen
Đức